

Báo Cáo Đánh Giá Độc Lập Tái Định Cư - Lần 3
(Kỳ báo cáo: Quý II /2013)

Chuẩn bị bởi: Tư vấn đánh giá Tái định cư độc lập

Hà Nội, tháng 8 năm 2013

Chữ viết tắt

ADB	-	Ngân hàng Phát triển Châu Á
Ban QLDAĐHKHCN Hà Nội	-	Ban quản lý dự án Đại học Khoa học Công nghệ Hà Nội
Ban QLKCNC Hòa Lạc	-	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc
BAH	-	Bị ảnh hưởng
Bộ GDĐT	-	Bộ Giáo dục và đào tạo
Bộ KHCN	-	Bộ Khoa học – Công nghệ
CNCHL-QHXDMT	-	Công nghệ cao Hòa Lạc – Quy hoạch xây dựng môi trường
DMS	-	Khảo sát đo đạc chi tiết
Dự án ĐHKHCN Hà Nội	-	Dự án Đại học Khoa học Công nghệ Hà Nội
Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất	-	Hội đồng Điều bù Hỗ trợ Tái định cư huyện Thạch Thất
JICA	-	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
GPMB	-	Giải phóng mặt bằng
ND-CP	-	Nghị định – Chính phủ
SPS	-	Tuyên bố chính sách an toàn (ADB)
Kế hoạch TĐC	-	Kế hoạch tái định cư
Khu CNC Hòa Lạc	-	Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
QD	-	Quyết định
SES	-	Khảo sát kinh tế xã hội
STC	-	Sở Tài chính
TNMT	-	Tài nguyên môi trường
TP. Hà Nội	-	Thành phố Hà Nội
Trường ĐHKHCN Hà Nội	-	Trường ĐHKHCN Hà Nội
TT-BTNMT	-	Thông tư – Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	-	Ủy ban Nhân dân
USD	-	Đồng Đô la Mỹ
VND	-	Việt Nam đồng

Mục lục

I.	Giới thiệu	1
II.	Phương pháp tiếp cận và tổ chức thực hiện	2
A.	Phương pháp tiếp cận	2
B.	Kế hoạch và thực hiện	2
C.	Hạn chế và giải pháp khắc phục	3
III.	Phát hiện và Đánh giá	4
A.	Phạm vi và quy mô tái định cư của Dự án	4
B.	Tiến độ thực hiện tái định cư	5
C.	Tham vấn cộng đồng và nhận biết chính sách TĐC, quyền lợi của người BAH	8
D.	Kiểm đếm tài sản BAH và thanh toán đền bù theo Chính sách trong Kế hoạch TĐC	9
E.	Phối hợp thực hiện các hoạt động tái định cư với lịch trình xây dựng	11
F.	Các thủ tục thu hồi và chuyển giao đất	11
G.	Xây dựng/tái xây dựng nhà và các công trình thay thế trên khu đất còn lại hoặc di dời đến khu vực mới	11
H.	Mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng với các quy định và việc thực hiện Kế hoạch TĐC	12
I.	Đền bù tranh chấp (các tài liệu, tiến độ, phương thức giải quyết và mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng).	12
J.	Tính hiệu quả và bền vững của các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho những người bị ảnh hưởng	13
K.	Các ảnh hưởng và chiến lược về giới	14
L.	Khả năng của những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng và có nguy cơ tổn thương, có thể phục hồi/tái thiết cuộc sống và mức sống.	14
M.	Tác động của tái định cư gây ra trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng	15
N.	Sự tham gia của những người bị ảnh hưởng vào việc lên kế hoạch, cập nhật và thực hiện Kế hoạch TĐC	15
O.	Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo	16
P.	Nguồn tiền và dòng tiền để thanh toán bồi thường và hỗ trợ cho những người BAH hoặc những người BAH bị di dời	16
Q.	Giá thay thế	16
R.	Bố trí khu tái định cư	16
IV.	Đề xuất và Khuyến nghị	18
A.	Thu hồi và bàn giao đất	18
B.	Kinh phí	18
C.	Hợp đồng Tư vấn đánh giá độc lập TĐC	18
D.	Tham vấn và phổ biến thông tin	18
E.	Tổ chức và thể chế	18
F.	Các chương trình phục hồi thu nhập	18
G.	Thực hiện các hoạt động chuẩn bị	19
H.	Giám sát nội bộ các hoạt động tái định cư	19
I.	Sự phối hợp với các hoạt động xây dựng	19

Phụ lục

Phụ lục 1: Danh sách cán bộ đã làm việc với Tư vấn

Phụ lục 2: Danh sách hộ bị ảnh hưởng tại xã Tân Xã và xã Bình Yên

Phụ lục 3: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm tại xã Tân Xã và Bình Yên

Phụ lục 4: Bảng hỏi khảo sát hộ gia đình

I. Giới thiệu

1. Dự án Xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (Dự án) được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) với tổng số vốn đầu tư là 210 triệu USD. Dự án nhằm mục đích: (i) thiết lập và thí điểm một khung chính sách mới cho việc quản trị, tài chính và bảo đảm chất lượng các trường đại học nghiên cứu theo mô hình mới; (ii) thành lập và xây dựng trường đại học đóng vai trò là các trung tâm nghiên cứu và giảng dạy chất lượng cao, tạo ra sự kết hợp năng động giữa nghiên cứu và giảng dạy thông qua việc tăng cường mối liên kết giữa trường đại học - ngành nghề trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, cũng như giới thiệu "mô hình hợp tác công-tư" của các trường đại học/viện nghiên cứu. Dự án được thực hiện trong 05 năm (2011- 2017) với 04 kết quả sau đây:

- *Kết quả A:* Khung chính sách và điều tiết: Thực hiện các thỏa thuận tổ chức cụ thể liên quan tới quy trình quản lý, tài chính và bảo đảm chất lượng của các trường đại học kiểu mới.
- *Kết quả B:* Phát triển đào tạo và hoạt động nghiên cứu - triển khai: Thiết lập hệ thống đào tạo nhằm đạt được sự xuất sắc trong đào tạo và nghiên cứu, bảo đảm chất lượng và sự tham gia các ngành nghề công nghiệp trong mỗi trường đại học.
- *Kết quả C:* Xây dựng trường sở và cung cấp trang thiết bị. Thiết kế, xây dựng và cung cấp trang thiết bị cho trường đại học nghiên cứu kiểu mới.
- *Kết quả D:* Quản lý việc thực hiện dự án: quản lý dự án, điều phối các hoạt động dự án, và giám sát kết quả cũng như việc thực hiện.

2. Dự án sẽ được xây dựng trên khu đất 65 ha trong Khu CNC Hòa Lạc¹. Việc thực hiện Kết quả C sẽ dẫn đến các tác động tái định cư (TĐC) không tự nguyện đối với đất đai, hoa màu và cây cối của các hộ gia đình, cơ quan và tổ chức tại: (i) khu 65 ha [26 ha tại xã Tân Xã và 39 ha tại xã Thạch Hòa hiện do 02 đơn vị bộ đội quản lý và sử dụng]; và (ii) khu 52,7 ha tại xã Bình Yên để tiếp nhận 02 đơn vị bộ đội bị di dời do thu hồi khu đất 39 ha tại xã Thạch Hòa.

3. Tính tới hết Quý 2/2013, Hội đồng ĐBHTTĐC đã thu hồi được 22,5 ha tại khu 26 ha và 18,9 ha tại khu 52,7 ha. Bộ TLPB đã cam kết bàn giao tạm thời 20 ha đất thuộc khu 39 ha cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội. Mặc dù tiến độ thu hồi và bàn giao đất cho Dự án chậm hơn so với dự kiến, tuy nhiên tiến độ thu hồi đất trong Quý 2/2013 đã đạt được những tiến bộ đáng kể so với năm 2012 và Quý 1/2013. Nhìn chung, việc thực hiện các hoạt động tái định cư trong phạm vi Dự án được đánh giá là đáp ứng theo các yêu cầu ghi trong Kế hoạch TĐC và theo các Chính sách của ADB về an toàn xã hội tái định cư (SPS 2009).

4. Chi tiết các tình hình thực hiện các hoạt động tái định cư và đánh giá và đề xuất của Tư vấn được đề cập chi tiết trong các Chương 3 và 4. Các thông tin về phương pháp và cách thức thực hiện đánh giá độc lập của Tư vấn được thể hiện trong Chương 2.

5. Trong quá trình thực hiện việc đánh giá độc lập Tái định cư, Tư vấn đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ hiệu quả của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội, Ban QLKCNC Hòa Lạc, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên và đặc biệt là sự hỗ trợ của những người BAH trong việc thu thập thông tin liên quan tới tình hình thực hiện TĐC trong phạm vi khu vực BAH của Dự án.

¹Khu CNC Hòa Lạc có tổng diện tích 1.586 ha, bao gồm diện tích đất của các xã: Thạch Hòa; Tân Xã; Hạ Bằng; Đồng Trúc, huyện Thạch Thất và xã Phú Cát huyện Quốc Oai – TP. Hà Nội.

II. Phương pháp tiếp cận và tổ chức thực hiện

A. Phương pháp tiếp cận

6. Như đã được thể hiện trong các Báo cáo đánh giá độc lập Lần 1 và 2 các tác động TĐC của Dự án sẽ bao gồm các tác động đối với khu 65 ha (bao gồm khu 26 ha đất hiện đang được quản lý và sử dụng bởi các hộ dân và đất công của UBND xã Tân Xã; khu 39 ha đất hiện đang được quản lý và sử dụng bởi 02 đơn vị bộ đội thuộc Bộ TLPB) và khu 52,7 ha đất của các hộ dân và đất công của UBND xã Bình Yên. Tổng diện tích bị ảnh hưởng bởi Dự án ĐHKHCN Hà Nội là 11,7 ha, tăng đáng kể so với dự kiến ban đầu (65 ha). Điều này đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhớ giữa Phái đoàn ADB và Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội ngày 20-28/5/2013.

7. Đánh giá độc lập TĐC - Lần 3 sẽ đánh giá kết quả thực hiện TĐC tại: (i) khu 65 ha; (ii) khu 52,7 ha để bố trí TĐC cho 02 đơn vị bộ đội thuộc Bộ TLPB tại xã Bình Yên; và (iii) khu TĐC có diện tích 36,04 ha tại xã Bình Yên đã được xây dựng để tiếp nhận các hộ BAH phải di dời tại khu 26 ha và khu 52,7 ha và các khu vực BAH khác trong phạm vi ảnh hưởng của Dự án xây dựng Khu CNC Hòa Lạc.

8. Phương pháp đánh giá của Tư vấn đánh giá TĐC độc lập (Tư vấn) – Lần 3 như sau:

- a. Nghiên cứu tài liệu: (i) Kế hoạch TĐC; (ii) các báo cáo, tài liệu về việc thực hiện TĐC của Ban QLKCNC Hòa Lạc; Hội đồng ĐBHTTĐC (các quyết định đền bù; phương án đền bù; biên bản đo đạc, kiểm đếm); (iv) văn bản pháp lý về đền bù và thu hồi đất của Việt Nam và của UBND TP. Hà Nội;
- b. Phỏng vấn bảng hỏi HGĐ đối với 100% hộ BAH đáng kể về đặc điểm nhân khẩu, đặc điểm KT-XH của hộ BAH, tham vấn cộng đồng; đền bù và chi trả đền bù; giải quyết khiếu nại.
- c. Phỏng vấn các cán bộ chủ chốt của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội; Ban QLKCNC Hòa Lạc; Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất; UBND các xã Tân Xã và Bình Yên.
- d. Thảo luận nhóm (TLN): Thực hiện 02 TLN đối với các hộ BAH nhằm thu thập thông tin cần thiết để đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC trong thời gian qua. Mỗi cuộc TLN bao gồm 12-15 người với 50% người tham dự là nữ giới để đảm bảo sự cân bằng về giới trong đánh giá.
- e. Khảo sát thực địa tại các khu: 65 ha; khu 52,7 ha; khu 36,04 ha.

B. Tổ chức thực hiện

9. Đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC được thực hiện bởi Tư vấn TĐC độc lập của Dự án (Tư vấn). Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội, Ban QLKCNC Hòa Lạc, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã hỗ trợ Tư vấn thông qua việc cung cấp tài liệu (danh sách hộ BAH; biên bản kiểm đếm thiệt hại; phương án đền bù hỗ trợ tái định cư;...) bố trí sắp xếp các cuộc phỏng vấn sâu; TLN.

10. Bảng hỏi hộ gia đình BAH, đã được sử dụng trong lần Đánh giá TĐC - Lần 2 được sử dụng để đánh giá và bổ sung phù hợp với các đặc điểm về nhận thức và KT-XH của người BAH, mức độ ảnh hưởng bởi các tác động TĐC của Dự án. Chi tiết xem

11.

12. Phụ lục 4.

13. Các hoạt động đánh giá đã được thực hiện bởi Tư vấn như sau. Tổng hợp thực hiện các hoạt động Đánh giá độc lập TĐC Lần 3 được thể hiện trong Bảng 1.

- *Khảo sát bằng hỏi HGD*: Các hộ BAH bởi Dự án đều bị mất trên 10% diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp và một số hộ bị di dời nhà cửa do vậy khảo sát đã được tiến hành đối với 100% (n=351) hộ BAH đáng kể. Trong đó, có 81 (100%) hộ BAH thuộc khu 26 ha đã nhận tiền đền bù và 259 (100%) hộ BAH đáng kể tại khu 52,7 ha. Khảo sát bằng hỏi đối với các hộ BAH đã nhận tiền đền bù trước thời điểm Quý 1/2013 chủ yếu tập trung nghiên cứu các vấn đề về điều kiện sống, khả năng phục hồi thu nhập, đào tạo và giới thiệu việc làm cho các hộ BAH đã nhận tiền đền bù và bàn giao đất. Đối với các hộ đã nhận tiền đền bù trong Quý 2/2013 khảo sát HGD sẽ tìm hiểu các vấn đề về tham vấn cộng đồng, khảo sát đo đạc chi tiết, giá thay thế, mức độ hài lòng của người BAH đối với các quy trình thủ tục, quyền lợi của người BAH, mức sống và khả năng khôi phục thu nhập, các vấn đề về giới và chiến lược giới.
- Thực hiện 01 TLN tại xã Tân Xã (11 người [7 nam và 4 nữ]) và 01 TLN tại xã Bình Yên (12 người [7 nam và 5 nữ]). Tổng hợp kết quả TLN được ghi trong Phụ lục 3.
- Phòng vấn sâu cán bộ chủ chốt của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất; UBND xã Tân Xã, Thái Bình; Ban QLKCNC Hòa Lạc.
- Khảo sát thực địa tại các khu vực BAH bởi Dự án, bao gồm khu 26 ha, khu 39 ha, khu 52,7 ha và khu 36,04 ha.
- Các thông tin thu được từ khảo sát bằng bảng hỏi đối với hộ gia đình BAH, TLN, phỏng vấn cán bộ chủ chốt và người dân được xử lý, so sánh và phân tích nhằm rút ra những kết luận khách quan và xác thực nhất liên quan tới việc thực hiện Kế hoạch TĐC của Dự án.

Bảng 1: Tổng hợp thực hiện các hoạt động khảo sát đánh giá TĐC độc lập Lần 3

No	Hoạt động	Thời gian
1	Thu thập tài liệu	5-15/7/2013
2	Nghiên cứu tài liệu	15/7-20/7/2013
3	Khảo sát HGD	20/7-15/8/2013
4	Thảo luận nhóm	25-26/7/2013
5	Phỏng vấn cán bộ chủ chốt của các bên liên quan	10/8/2013
6	Khảo sát thực địa	25-26/7/2013
7	Nghiên cứu, phân tích và xử lý thông tin thu thập được	15-25/8/2013
8	Viết báo cáo	25-31/8/2013

Nguồn: Tư vấn đánh giá TĐC độc lập, tháng 8/2013

C. Hạn chế và giải pháp khắc phục

14. Tư vấn đã nhận được sự hỗ trợ tích cực và hiệu quả của Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội; Ban QL KCNC Hòa Lạc; UBND huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên trong việc cung cấp tài liệu, số liệu về tình hình thực hiện TĐC; hỗ trợ tổ chức khảo sát hộ gia đình và TLN. Tuy nhiên, việc đánh giá TĐC vẫn gặp phải một số khó khăn và vướng mắc đã được phát hiện và xử lý như sau:

- Kế hoạch TĐC cập nhật hiện đang trong quá trình chuẩn bị và dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý 3/2013, do vậy đánh giá độc lập TĐC được thực hiện trên cơ sở Kế hoạch TĐC, chính sách của ADB về an toàn tái định cư (SPS 2009); chính sách hiện hành về đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng của Việt Nam và của TP. Hà Nội và thực tế thực hiện TĐC.
- Số lượng thông tin, tài liệu cung cấp bởi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất liên quan tới việc thu hồi đất cho Dự án và cho 02 đơn vị bộ đội là rất lớn và phức tạp do chưa được mã hóa và phân loại một cách hệ thống dẫn tới những khó khăn cho Tư vấn trong quá trình phân tích, xử lý thông tin và viết báo cáo. Để khắc phục khó khăn này, Tư vấn đã phối hợp với các cán bộ của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất, UBND các xã Tân Xã và Bình Yên tiến hành sàng lọc, phân loại và xác định cụ thể các hộ BAH cũng như tổng hợp toàn bộ tài sản BAH của các hộ.

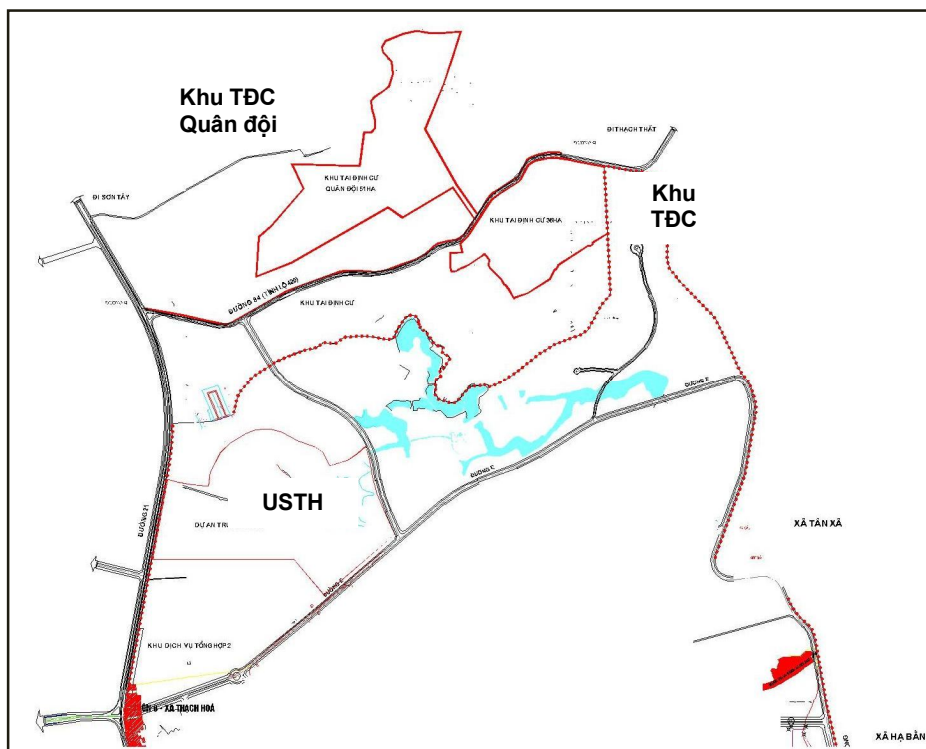
- Bên cạnh đó, do Hội đồng ĐBHTTĐC thực hiện các hoạt động TĐC không chỉ cho Dự án ĐHKHCN Hà Nội mà còn cho các dự án xung quanh thuộc phạm vi Khu CNC Hòa Lạc do vậy việc phân tách và cụ thể hóa diện tích BAH của hộ gia đình bởi Dự án ĐHKHCN Hà Nội và diện tích và phạm vi ảnh hưởng của dự án xung quanh liền kề gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục vấn đề này Tư vấn cũng đã phải làm việc trực tiếp với cán bộ địa chính của các xã BAH; cán bộ đền bù của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và cán bộ của Ban QLKCNC Hòa Lạc. Các số liệu được so sánh, đối chiếu và xử lý ở mức độ chính xác cao nhất có thể và sử dụng trong Báo cáo đánh giá Lần 3.

III. Phát hiện và Đánh giá

A. Phạm vi và quy mô tái định cư của Dự án

15. Theo Biên bản ghi nhớ của Phái đoàn ADB (tháng 5/2013) tổng diện tích đất BAH bởi Dự án là 117,7 ha, bao gồm: (i) khu đất nông nghiệp, lâm nghiệp và một phần đất ở có diện tích 26 ha tại xã Tân Xã; (ii) khu đất có diện tích 39 ha tại xã Thạch Hòa hiện đang được quản lý và sử dụng bởi 02 đơn vị bộ đội; và (iii) khu đất nông nghiệp, một phần đất ở của các hộ dân BAH và đất công do UBND xã Bình Yên quản lý có diện tích 52,7 ha thuộc địa bàn xã Bình Yên để bố trí cho 02 đơn vị bộ đội. Sơ đồ vị trí các khu vực liên quan của Dự án được trình bày trong Hình 1. Tổng hợp tác động TĐC của Dự án được thể hiện trong

17. Bảng 2:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các khu vực ảnh hưởng TĐC của Dự án

Bảng 2: Tổng hợp phạm vi và quy mô TĐC của Dự án ĐHKHCN Hà Nội

No.	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
A	Khu 65 ha - Trường ĐHKHCN Hà Nội		
1	Khu đất 26 ha - xã Tân Xã		
1.1	Diện tích đã hoàn thành đền bù và thu hồi năm 2008	ha	5,3
1.2	Diện tích đất ao hồ do UBND xã quản lý	ha	3,6
1.3	Khu đất 17,3 ha của các hộ gia đình BAH		
1.3.1	Ảnh hưởng đối với đất	ha (hộ)	17,3 (90)
	- Đất trồng lúa	ha (hộ)	3,2 (89)
	- Đất trồng màu	ha (hộ)	2,05 (43)
	- Đất rừng	ha (hộ)	10,1 (08)
	- Đất vườn	ha (hộ)	1,58 (07)
	- Đất ở	ha (hộ)	0,35 (02)
1.3.2	Ảnh hưởng đối với cây cối, mùa màng		
	- Diện tích lúa	ha (hộ)	3,2 (89)
	- Diện tích sắn, khoai	ha (hộ)	2,05 (43)
	- Diện tích trồng cây bạch đàn	ha (hộ)	10,1 (08)
	- Vườn rau	ha (hộ)	1,58 (07)
1.3.3	Ảnh hưởng đối với nhà cửa và tài sản kiến trúc	m ² (hộ)	*
1.3.4	Ảnh hưởng đối với kinh doanh buôn bán	VND (hộ)	0
1.3.5	Hộ BAH nặng (mất trên 10% đất nông, lâm nghiệp, bị di dời)	hộ	90
1.3.6	Hộ BAH có chủ hộ là nữ	hộ	12
1.3.7	Hộ BAH là hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn	hộ	0
2	Khu đất do 02 đơn vị bộ đội quản lý**	ha	39
B	Khu đất tiếp nhận 02 đơn vị bộ đội - xã Bình Yên***	ha	52,7
1	Số thửa đất dự kiến bị thu hồi	thửa (ha)	468 (52,7)

Nguồn: Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất, tháng 7/2013

Ghi chú: * chưa xác định do chưa có kết quả thẩm định đối với mức độ thiệt hại và tài sản BAH;

** thông tin về thiệt hại đối với 02 đơn vị bộ đội không thuộc phạm vi đánh giá TĐC độc lập;

*** Tới tháng 6/2013 đã hoàn thành DMS 46,3 ha đất nông nghiệp và đất do UBND xã Bình Yên quản lý, dự kiến DMS toàn bộ khu đất 52,7 ha sẽ được hoàn thành trong Quý 3/2013.

B. Tiến độ thực hiện tái định cư

18. Theo kế hoạch, toàn bộ diện tích 65 ha sẽ được thu hồi và bàn giao cho Ban QLDAĐHKHCN Hà Nội trong tháng 12/2012. Tuy nhiên, do những khó khăn liên quan tới việc kiểm đếm, thẩm định và phê duyệt chi trả đền bù nên tiến độ thực hiện các hoạt động TĐC trên thực tế chậm hơn so với kế hoạch. Tính tới cuối tháng 6/2013 tiến độ thực hiện TĐC tại các khu đất BAH bởi Dự án như sau:

- *Tham vấn cộng đồng:* Trong Quý 2/2013 các cuộc họp tham vấn cộng đồng về các nội dung: (i) giới thiệu dự án, chính sách và quyền lợi của người BAH; (ii) kiểm đếm chi tiết; (iii) phương án đền bù chi trả hỗ trợ TĐC đã được thực hiện. Tổng hợp các cuộc họp tham vấn cộng đồng được thể hiện trong **Bảng 3**.

Bảng 3: Tổng hợp các cuộc họp tham vấn cộng đồng tại xã Tân Xã và Bình Yên (Quý 2/2013)

Tên Xã	Nội dung (cuộc họp [lượt người tham gia])			Tổng cộng
	Giới thiệu DA, C/sách TĐC, quyền lợi của người BAH	Khảo sát, kiểm đếm chi tiết	Công khai phương án đền bù, hỗ trợ TĐC	
Tân Xã	1 [40]	1 [42]	1 [42]	3 [124]
Bình Yên	4 / [182]	4 [152]	4 [152]	12 [486]

Nguồn: Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên (tháng 7/2013)

- **Kiểm đếm chi tiết (DMS):** Tổng diện tích đất đã kiểm đếm chi tiết là: 111,3 ha, tương đương 94,56% tổng diện tích đất BAH bởi Dự án (111,7 ha). Trong đó, (i) 100% (26 ha) diện tích đất thuộc phạm vi Trường ĐHKHCN Hà Nội; (ii) 87,86% (43,63 ha) diện tích đất tại khu TĐC quân đội đã được kiểm đếm chi tiết và (iii) 100% (39 ha) diện tích đất của 02 đơn vị bộ đội.

Bảng 4: Tổng hợp tiến độ DMS các khu vực BAH bởi Dự án (tính tới cuối tháng 6/2013)

	Kiểm đếm chi tiết			
	Khu 26 ha	Khu 39 ha	Khu TĐC quân đội 52,7 ha	Tổng diện tích BAH (111,7 ha)
Diện tích [%]	26 [100]	39 [100]	43,63 [87,86]	111,3 [94,56]

Nguồn: Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất (tháng 7/2013)

- **Chi trả đền bù hỗ trợ TĐC cho người BAH:** Tổng diện tích đất đã thu hồi là 41,4 ha, chiếm 52,6% trong tổng số 78,7 ha đất của các hộ dân và của UBND các xã cần thu hồi (26 ha đất tại xã Tân Xã và 52,7 ha đất tại xã Bình Yên). Trong đó, đã chi trả đền bù và hỗ trợ cho: (i) 82 hộ (đã bao gồm 11,88 ha [51 hộ] đã nhận tiền đền bù trong năm 2012) với tổng diện tích đất là 22,5 ha thuộc khu 26 ha; và (ii) 18,9 ha đất trong tổng số 52,7 ha cần thu hồi tại xã Bình Yên (14,61 ha [269 hộ] và 4,29 ha đất công của UBND xã Bình Yên).

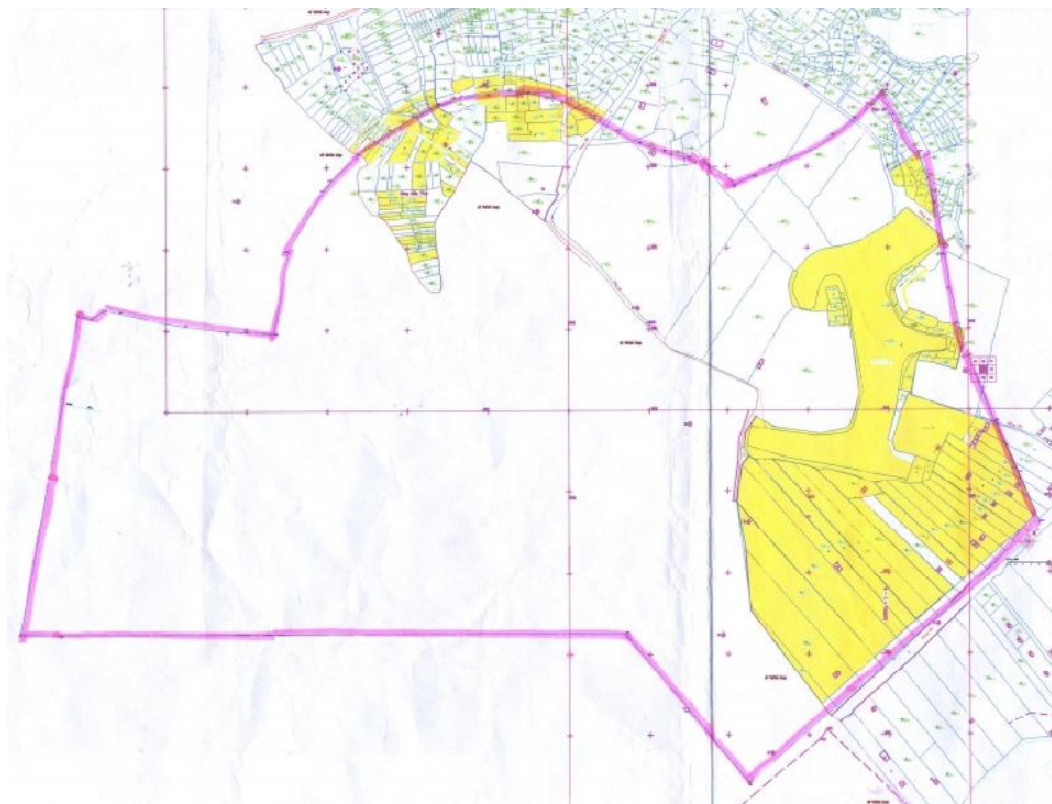
Bảng 5: Tổng hợp chi trả đền bù và hỗ trợ TĐC (tính tới cuối tháng 6/2013)

Khu vực BAH	Đối tượng BAH	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2012	Năm 2013		Tổng cộng
					Quý 1	Quý 2	
Khu 26 ha	Đất ở HGD	ha [hộ]	0	0	0	0	0
	Đất n/nghiệp, lâm nghiệp HGD	ha [hộ]	5,3	2,98 [51]	0	10,62 [31]	18,9 [82]
	Đất công	Ha	0	3,6	0	0	3,6
Tổng cộng khu 26 ha		ha [hộ]	5,3	6,58 [51]	0	10,62 [31]	22,5 [82]
Khu 39 ha	Đất ở HGD	ha [hộ]	-	-	-	-	-
	Đất hộ gia đình	ha [hộ]	-	-	-	-	-
	Đất công	ha	0	0	0	0	0
Tổng cộng khu 39 ha		ha [hộ]					
Khu 52,7 ha	Đất ở HGD	ha [hộ]	0	0	0	0	0
	Đất hộ gia đình	ha [hộ]	0	9,38 [117]	0	5,2 [152]	14,6 [269]
	Đất công	ha	0	2,57	0	1,72 ha	4,29
Tổng cộng khu 52,7 ha		ha [hộ]	0	11,95 [117]	0	6,92 [152]	18,9 [269]

Nguồn: Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất (tháng 7/2013) và Đánh giá độc lập Lần 3

Ghi chú: (-) không áp dụng

- **Tiến độ thu hồi và bàn giao đất:**
 - Tổng diện tích đất đã được thu hồi bởi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất từ các hộ dân và đất công do UBND các xã quản lý là 41,4 ha. Trong đó, có 22,5 ha đất thuộc khu 26 ha và 18,9 ha thuộc khu 52,7 ha.
 - Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã bàn giao cho Ban QLKCNC Hòa Lạc tổng diện tích đất là 22,5 ha thuộc khu 26 ha, tương đương 36,62% tổng diện tích đất cần bố trí cho Trường ĐHKHCN Hà Nội. UBND huyện Thạch Thất và Bộ Tư lệnh pháo binh hiện đang thảo luận các thủ tục cần thiết để có thể tiến hành bàn giao phần diện tích 18,9 ha đã thu hồi thuộc khu 52,7 ha cho Bộ Tư lệnh pháo binh trong Quý 3/2013 làm cơ sở để 02 đơn vị bộ đội đẩy nhanh tiến độ bàn giao từng phần khu đất 39 ha (xã Thạch Hòa) cho Ban QLKCNC Hòa Lạc.
 - Trong tháng 5/2013, Ban QLKCNC Hòa Lạc đã bàn giao tổng diện tích đất 13,6 ha đất thuộc khu 26 ha, tương đương 21% tổng diện tích đất cần bố trí để xây dựng Trường ĐHKHCN Hà Nội (65 ha). Vị trí khu đất đã bàn giao (phần bôi vàng) được thể hiện trong hình sau:



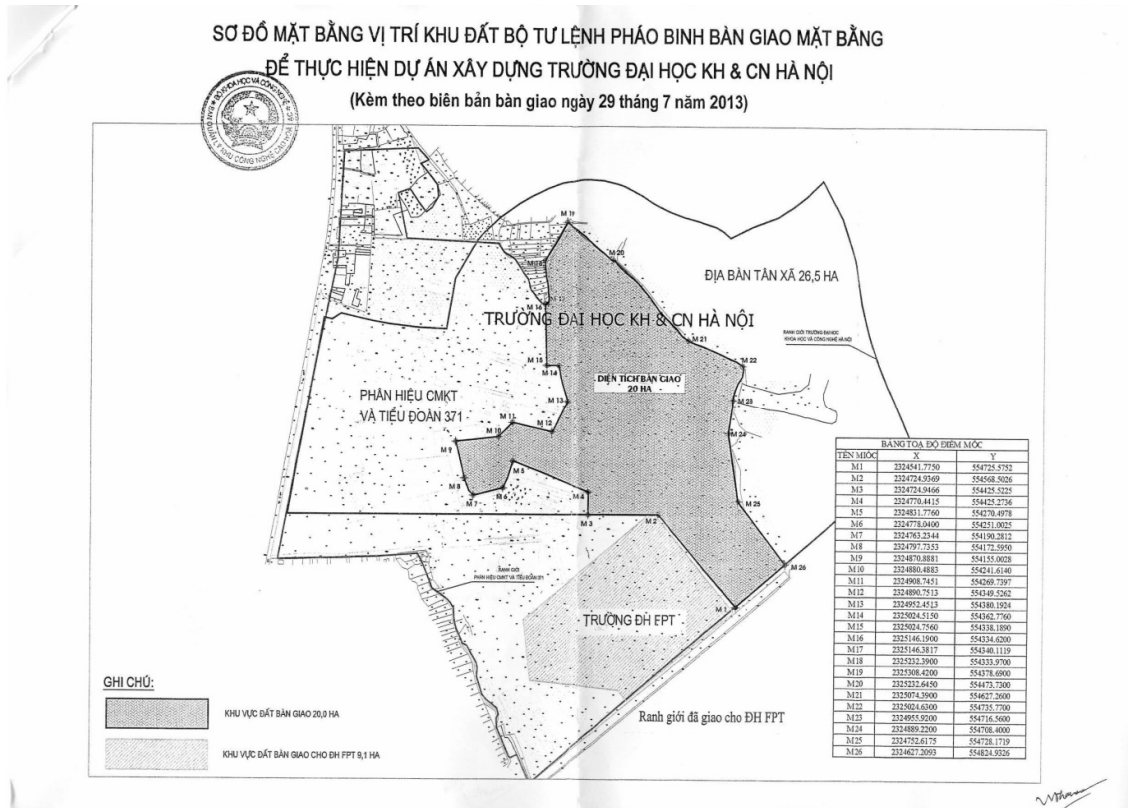
Hình 2: Vị trí khu đất 13,6 ha (màu vàng) đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội (5/2013)
 Nguồn: Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội

Bảng 6: Tổng hợp tiến độ thu hồi và bàn giao đất tại khu USTH và Khu TĐC quân đội (tính tới cuối tháng 6/2013)

Mục	Khu đất 65 ha xây dựng trường USTH			Khu TĐC quân đội (Bình Yên) (ha)
	Khu 26 ha (Tân Xã)	Khu 39 ha (Thạch Hòa)	Tổng cộng	
Diện tích đã được thu hồi bởi UBND huyện Thạch Thất	22.5	0	22.5	18.9
Diện tích chưa được thu hồi	3.5	39	42.5	33.8
Diện tích đất sạch đã bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội	13.6	0	13.6	0
Diện tích đất sạch chưa bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội / 02 đơn vị bộ đội	12.4	39	51.4	52.7

Nguồn: Báo cáo số 322/TB-BCĐ ngày 8/5/2013 Ban chỉ đạo ĐBHTĐC TP. Hà Nội; Báo cáo số 647/BC-BGDDT, ngày 23/5/2013 của Bộ GDĐT gửi Phó Thủ tướng.

19. Theo yêu cầu của Phó Thủ tướng Chính phủ, trong tháng 7/2013 Bộ TLPB đã tạm bàn giao cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội 20 ha này. Vị trí khu đất bàn giao tạm được thể hiện trong hình sau:



Hình 3: Vị trí khu đất 20 ha do Bộ TLPB bàn giao tạm cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội (tháng 7/2013)

Nguồn: Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội (8/2013)

C. Tham vấn cộng đồng và nhận biết chính sách TĐC, quyền lợi của người BAH

20. Kết quả đánh giá TĐC độc lập Lần 1 (năm 2012) và Lần 2 (Quý 1/2013) cho thấy 100% hộ BAH đã được kiểm đếm chi tiết và chi trả đền bù tại Khu 26 ha (90 hộ) và Khu 52,7 ha (117 hộ) đã được tham vấn và được cung cấp thông tin về chính sách TĐC và quyền lợi của người BAH thông qua các hoạt động sau:

- Tham gia các cuộc họp cộng đồng tại UBND xã để được nghe phổ biến thông tin về việc thu hồi đất cho Dự án ĐHKHCN Hà Nội và bố trí vị trí đóng quân mới cho 02 đơn vị bộ đội. Các hộ BAH được tham gia tối thiểu 02 cuộc họp tham vấn cộng đồng (01 cuộc trước và 01 cuộc sau khi có kết quả kiểm đếm thiệt hại).
- Được phổ biến các chính sách, phương án và các quyền lợi liên quan tới đền bù, hỗ trợ và TĐC của Việt Nam.
- Được tham gia vào quá trình kiểm đếm chi tiết; được kiểm tra và ký vào Biên bản đo đạc kiểm đếm chi tiết.
- Được nhận phương án đền bù hỗ trợ TĐC do Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất lập đề xem xét trước khi nhận tiền đền bù. Các hộ BAH được giải thích rõ ràng về những chính sách ĐBHTTĐC, cách thức tính ĐBHTTĐC.

21. Trong đợt đánh giá Lần 3 (Quý 2/2013) Tư vấn đã tập trung đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động tham vấn cộng đồng và nhận biết chính sách TĐC, quyền lợi của người BAH đối với 100% hộ (n=152) đã nhận đền bù hỗ trợ TĐC trong Quý 2/2013 thuộc Khu 52,7 ha. Kết quả khảo sát HGD và kết quả thu được từ TLN; tham vấn cán bộ chủ chốt của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất, Ban QLKHCNC Hòa Lạc, Ban QLDAĐHKHCN Hà Nội, UBND xã Bình Yên cho thấy, hoạt động tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin về ĐBHTĐTC trong Quý 2/2013 đối với các hộ này đáp ứng với

các yêu cầu của Dự án. Cụ thể: (i) Các hộ BAH được tham gia tối thiểu 02 cuộc họp tham vấn cộng đồng (01 cuộc trước và 01 cuộc sau khi có kết quả kiểm đếm thiệt hại); (ii) Được phổ biến các chính sách, phương án và các quyền lợi liên quan tới đền bù, hỗ trợ và TĐC của Việt Nam; (iii) Được tham gia vào quá trình kiểm đếm chi tiết; được kiểm tra và ký vào Biên bản đo đạc kiểm đếm chi tiết; (iv) Được nhận phương án đền bù hỗ trợ TĐC do Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất lập đề xem xét trước khi nhận tiền đền bù. Các hộ BAH được giải thích rõ ràng về những chính sách ĐBHTTĐC, cách thức tính ĐBHTTĐC.

22. 100% (n=152) hộ được khảo sát cho biết họ đã nắm vững các nội dung liên quan, bao gồm: (i) chính sách đền bù hỗ trợ TĐC của Dự án; quyền lợi của người BAH; (ii) quy định về tham vấn và phổ biến thông tin của Dự án; (iii) cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại; (iv) giá thay thế và đền bù theo giá thay thế; (v) tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực hiện TĐC. Việc phổ biến thông tin được thực hiện chủ yếu thông qua các cuộc họp cộng đồng được tổ chức bởi Hội đồng ĐBHTTĐC, UBND xã; hoặc được thực hiện thông qua hệ thống loa phát thanh của xã.

D. Kiểm đếm tài sản BAH và thanh toán đền bù theo Chính sách trong Kế hoạch TĐC.

Kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng

23. *Khu 26 ha - xã Tân Xã:* Hoạt động kiểm đếm tài sản BAH đã được hoàn thành trong năm 2012. Kết quả khảo sát đánh giá Lần 1 (năm 2012) đối với các hộ BAH đã được kiểm đếm chi tiết cho thấy việc kiểm đếm tài sản BAH được thực hiện đáp ứng các yêu cầu của Dự án (chi tiết xem Báo cáo đánh giá độc lập TĐC Lần 1).

24. *Khu 52,7 ha – xã Bình Yên:* Kết quả khảo sát 152 hộ BAH đã được đền bù chi trả trong Quý 2/2013 cho thấy, việc đo đạc kiểm đếm chi tiết được thực hiện đáp ứng với các yêu cầu theo Kế hoạch TĐC. Hoạt động này được thực hiện bởi Tổ công tác của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất. Cụ thể như sau:

- Các hộ BAH được yêu cầu kê khai các thông tin bao gồm: nhân khẩu; tài sản BAH (đất đai; tài sản; cây cối và hoa màu) theo mẫu của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất. Các hộ BAH nộp Bản kê khai kèm theo các giấy tờ pháp lý (giấy CNQSD đất; giấy giao đất của các cơ quan chức năng cho hộ gia đình; xác nhận của UBND xã; biên lai nộp thuế;...) cho Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và các cơ quan liên quan như UBND xã Bình Yên; Phòng TNMT huyện Thạch Thất tiến hành xác minh, đối chiếu thông tin cung cấp bởi các hộ BAH với các tài liệu được lưu giữ bởi UBND xã Bình Yên; Phòng TNMT huyện Thạch Thất để thẩm định tính pháp lý của tài sản BAH.
- Trên cơ sở kết quả xác minh nguồn gốc và tình trạng pháp lý đối với đất đai và tài sản BAH của các hộ BAH, Tổ công tác - Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất phối hợp với UBND xã Bình Yên tổ chức khảo sát đo đạc chi tiết tài sản BAH nhằm xác minh hiện trạng, nội dung kê khai đất đai, tài sản trên đất và thống nhất với hộ BAH về tài sản bị thiệt hại. Biên bản đo đạc được lập và ký bởi đại diện hộ BAH và các thành viên của Tổ công tác.

25. Khảo sát các hộ BAH cho thấy 100% (n=152) người được hỏi tại khu 52,7 ha hài lòng với trình tự thủ tục và kết quả DMS được thực hiện trong thời gian qua bởi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất.

Thanh toán đền bù theo các chính sách trong Kế hoạch tái định cư:

26. Thanh toán đền bù đối với các hộ BAH tại khu 26 ha và Khu 52,7 ha trong năm 2012 đã được đánh giá đáp ứng theo yêu cầu ghi trong Kế hoạch TĐC của Dự án (chi tiết xem Báo cáo đánh giá độc lập TĐC – Lần 1). Trong Quý 1/2013, không có hoạt động thanh toán đền bù nào được thực hiện tại các khu vực BAH bởi Dự án.

27. Tình hình thực hiện thanh toán đền bù đối với các hộ BAH đã nhận tiền đền bù trong Quý 2/2013, bao gồm: (i) 31 hộ BAH đất nông nghiệp/lâm nghiệp (khu 26 ha) và 152 hộ BAH đất nông nghiệp (khu 52,7 ha). Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất đã thực hiện đền bù thu hồi đất đối với các hộ BAH do mất đất lúa; đất rừng và đất trồng cây hàng năm. Thanh toán đền bù cho các hộ này đã được thực hiện theo các quy định của Việt Nam và của UBND TP. Hà Nội về đền bù và thu hồi đất TĐC, như sau:

- Quyết định 108/2009/QĐ-UBND (Quyết định 108) ngày 29/9/2009 của UBND TP. Hà Nội quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP. Hà Nội.
- Văn bản số 11056/UBND-TNMT ngày 16/11/2009 của UBND TP. Hà Nội
- Văn bản số 3081/UBND-TNMT ngày 27/4/2011 của UBND TP. Hà Nội
- Văn bản số 7331/UBND-TNMT ngày 31/8/2011 của UBND TP. Hà Nội về việc bổ sung chính sách bồi thường hỗ trợ TĐC để giải quyết các tồn tại vướng mắc một số dự án trên địa bàn huyện Thạch Thất
- Văn bản số 6323/STC-BG (Văn bản 6323) ngày 29/12/2011 của Sở Tài chính TP Hà Nội về việc thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác GPMB trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2012.
- Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND (Quyết định 51) ngày 28/12/2012 của UBND TP. Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2013.

28. Theo các quy định trên, đơn giá đền bù đối với các loại đất nông nghiệp tại các xã Tân Xã và Bình Yên trong năm 2013 như sau:

Bảng 7: Tổng hợp đơn giá đền bù (năm 2013)

No.	Loại tài sản	Đơn vị	Đơn giá (VND/m ²)
1	Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm	m ²	105.000
2	Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm	m ²	98.000
3	Giá đất nuôi trồng thủy sản	m ²	84.000
4	Giá đất rừng sản xuất	m ²	45.600

Nguồn: Quyết định 51 của UBND TP. Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn TP. Hà Nội

29. Trong Quý 2/2013 không có các giao dịch mua bán đất nông nghiệp, lâm nghiệp, tại khu 26 ha và khu 52,7 ha do hoạt động mua bán đất nông, lâm nghiệp là không được phép theo quy định của Chính phủ Việt Nam. Việc khảo sát giá thay thế đối với đất nông, lâm nghiệp, các loại cây hoa màu trong khu vực này được thực hiện trên cơ sở tính toán thu nhập bình quân trong vòng 03 năm gần đây đối với các loại đất trong khu vực và phỏng vấn các hộ BAH về mức giá đền bù theo mong đợi của các hộ BAH. Nhìn chung mức giá theo mong đợi của các hộ chênh lệch không đáng kể so với mức giá do UBND TP. Hà Nội ban hành áp dụng cho năm 2013, cụ thể như sau:

Bảng 8: Tổng hợp mức giá đền bù theo mong đợi của người BAH (Quý 2/2013)

No.	Loại tài sản	Đơn vị	Đơn giá đền bù theo mong muốn của người BAH (VND/m ²)	Chênh lệch (+/-) VND/m ²
1	Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm	m ²	105.500-105.700	+ 500-700
2	Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm	m ²	98.300-98.700	+ 300-700
3	Giá đất nuôi trồng thủy sản	m ²	84.000-85.500	+ 500
4	Giá đất rừng sản xuất	m ²	45.600-45.300	+ 300

Nguồn: Tư vấn độc lập - Kết quả khảo sát giá thay thế (tháng 7-8/2013)

30. Kết quả khảo sát các hộ BAH đã nhận tiền đền bù trong Quý 2/2013 cho thấy, 100% (31 hộ tại khu 26 ha và 152 hộ tại khu 52,7 ha) hộ BAH hài lòng với mức giá đền bù mà họ đã nhận được do mức giá này tương đương với mức giá thay thế và đáp ứng các quy định ghi trong Kế hoạch TĐC. Người BAH được tham vấn về phương án đền bù hỗ trợ TĐC. Các phương án đền bù hỗ trợ tái định cư được gửi tới từng hộ BAH và được niêm yết công khai tại UBND các xã Tân Xã và xã Bình Yên để người dân xem xét và có ý kiến trong vòng 20 ngày trước khi thực hiện việc thanh toán đền bù. Trường hợp người BAH có ý kiến và hoặc khiếu nại sẽ được Hội đồng ĐBHTTĐC và các cơ quan xem xét và điều chỉnh nếu phù hợp với các quy định của Dự án.

E. Phối hợp thực hiện các hoạt động tái định cư với lịch trình xây dựng

31. Trong Quý 2/2013, chưa có hoạt động xây dựng nào được thực hiện. Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội hiện đang thực hiện các công việc chuẩn bị xây dựng như: lập dự toán kinh phí, thiết kế kỹ thuật xây dựng các hạng mục công trình xây dựng hàng rào chống tái lấn chiếm, xây dựng nhà điều hành tạm thời trên khu đất thuộc phạm vi khuôn viên của Dự án trình Bộ GDĐT và ADB để xem xét và phê duyệt trước khi thực hiện.

F. Các thủ tục thu hồi và chuyển giao đất

32. Nhìn chung, trình tự và thủ tục thu hồi đất được thực hiện trong thời gian qua tại các khu vực BAH bởi Dự án đáp ứng với các yêu cầu của ADB, Việt Nam và của UBND TP. Hà Nội, cụ thể như sau:

- UBND huyện Thạch Thất gửi thông báo thu hồi đất tới các hộ BAH
- UBND huyện Thạch Thất ra quyết định thành lập Hội đồng GPMB và các tổ Công tác phục vụ công tác GPMB.
- UBND huyện Thạch Thất phê duyệt và trích chuyển kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và TĐC.
- UBND huyện Thạch Thất lập, phê duyệt kế hoạch tiến độ chi tiết giải phóng mặt bằng; thẩm tra dự toán chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và TĐC.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất tổ chức cho các hộ BAH kê khai và tổ chức điều tra hiện trạng, xác minh nội dung kê khai.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất lập, niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC.
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất hoàn chỉnh, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết.
- UBND huyện Thạch Thất ra Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; niêm yết công khai và thông báo chi trả tiền, bàn giao mặt bằng
- Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho các hộ BAH.
- Hộ gia đình bàn giao đất bị thu hồi theo quyết định của UBND huyện Thạch Thất.

33. Sau khi Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất hoàn thành chi trả đền bù và thu hồi đất từ các hộ BAH, UBND huyện Thạch Thất thực hiện các thủ tục cần thiết để bàn giao đất sạch cho Ban QLKCNC Hòa Lạc để Ban QLKCNC Hòa Lạc bàn giao đất sạch cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đất đai trên địa bàn TP. Hà Nội.

G. Xây dựng/tái xây dựng nhà và các công trình thay thế trên khu đất còn lại hoặc di dời đến khu vực mới

34. Trong Quý 2/2013, việc chi trả đền bù cho các hộ BAH mới chỉ được thực hiện đối với các hộ bị mất đất nông nghiệp, lâm nghiệp mà chưa thực hiện đối với các hộ bị mất đất ở, nhà cửa hoặc các công trình kiến trúc trên đất. Do vậy, các vấn đề liên quan tới xây dựng, tái xây dựng nhà và các công trình thay thế sẽ được nghiên cứu, đánh giá trong các đợt đánh giá TĐC tiếp theo.

H. Mức độ thỏa mãn của người BAH đối với các quy định và việc thực hiện Kế hoạch TĐC.

35. Kết quả khảo sát bằng hỏi HGD và TLN cho thấy các hộ BAH đã nhận đền bù trong Quý 2/2013 hài lòng đối với các quy định và việc thực hiện TĐC trong thời gian qua, cụ thể như sau:

- 100% (183 hộ, bao gồm 31 hộ tại khu 26 ha và 152 hộ tại khu 52,7 ha) hộ được hỏi cho biết họ nắm được các thông tin về Dự án; các quy định và chính sách đền bù của Việt Nam và các chính sách của Dự án và của ADB.
- 100% hộ khảo sát đã nhận tiền đền bù hỗ trợ TĐC trong Quý 2/2013 hài lòng với việc thực hiện công tác kê khai, đo đạc kiểm đếm chi tiết của Hội đồng ĐBHTTĐC. Thắc mắc của hộ BAH đã được Hội đồng ĐBHTTĐC, UBND các xã Tân Xã và Bình Yên giải đáp và hoặc điều chỉnh phù hợp với các quy định của Việt Nam và của ADB.
- 100% hộ BAH đã nhận tiền đền bù, hỗ trợ TĐC hài lòng với mức giá đền bù và hỗ trợ TĐC áp dụng trong Quý 2/2013 do mức giá này tương đương với mức giá thay thế. Họ cho biết với số tiền đền bù của Dự án gia đình họ có cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm và cải thiện điều kiện sống của gia đình.

36. Các hộ BAH đề xuất UBND các xã Tân Xã và Bình Yên tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo nghề (may công nghiệp; xây dựng dân dụng; mộc; hàn, tiện, nguội) và giới thiệu việc làm cho những người BAH để họ có thể sớm khôi phục và cải thiện điều kiện thu nhập và việc làm.

I. Đền bù tranh chấp (tài liệu, tiến độ, phương thức giải quyết và mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng).

37. Theo thông tin cung cấp từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất và UBND các xã; Ban QLKCNC Hòa Lạc và Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội về đền bù tranh chấp đối với 183 hộ được đền bù trong Quý 2/2013 (31 hộ tại khu 26 ha và 152 hộ tại khu 52,7 ha), không có hộ BAH nào có đơn thư khiếu nại hoặc yêu cầu bằng văn bản gửi tới các cơ quan này. Tuy nhiên, Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất cho biết: (i) có 02 hộ tại xã Bình Yên trao đổi trực tiếp một số thắc mắc của họ với các thành viên của Tổ công tác đo đạc kiểm đếm chi tiết và cán bộ địa chính của UBND xã Bình Yên về kết quả đo đạc kiểm đếm chi tiết; và (ii) có 01 hộ thuộc khu 26 ha và 02 hộ thuộc khu 52,7 ha đã đề nghị Hội đồng ĐBHTTĐC xem xét và bổ sung phần hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho các thành viên trong hộ BAH. Toàn bộ các yêu cầu của các hộ BAH này đã được Hội đồng ĐBHTTĐC xem xét và giải quyết trong vòng 07 ngày và đáp ứng các yêu cầu của người BAH.

38. Ngoài ra, kết quả khảo sát bằng hỏi HGD cũng cho kết quả tương tự 100% (n=183) hộ BAH đã nhận tiền đền bù cho biết họ hài lòng với công tác ĐBHTTĐC của Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất. Các hộ BAH có thắc mắc về kết quả kiểm đếm chi tiết và yêu cầu bổ sung phần hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho các thành viên trong hộ BAH cũng cho biết họ hài lòng với kết quả giải quyết của Hội đồng ĐBHTTĐC và của UBND các xã Tân Xã và Bình Yên.

J. Tính hiệu quả và bền vững của các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho những người BAH

39. Các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho người BAH tại xã Tân Xã và xã Bình Yên tính tới cuối tháng 6/2013 bao gồm: (i) các khoản hỗ trợ bằng tiền mặt có giá trị bằng 05 lần giá đền bù đất nông nghiệp (tương đương 525.000 VND/m² đất trồng lúa), (ii) các lớp học nghề và giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động để giúp họ có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp và phục hồi thu nhập trong thời gian sớm nhất có thể.

40. Các hoạt động đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được thực hiện theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ; Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2015.

41. Các hoạt động đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn luôn được xem là nhiệm vụ trọng tâm của UBND các xã Tân Xã và Bình Yên. UBND các xã Tân Xã và Bình Yên đã thành lập các Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956 để tổ chức và triển khai các văn bản của Chính phủ, Bộ LĐTBXH và UBND TP. Hà Nội và triển khai các kế hoạch, đề án đến các ban, ngành, đoàn thể, các thôn của xã.

42. UBND xã các xã Tân Xã và Bình Yên hiện đang tổ chức khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn và trên cơ sở đó tổ chức kết hợp với các cơ quan liên quan của huyện Thạch Thất như phòng LĐTBXH, các công ty có nhu cầu (ví dụ: Công ty cổ phần thời trang phát triển cao và các cơ sở may, cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn các xã khác trong huyện). Ngoài ra, UBND các xã cũng chú trọng đến công tác tuyên truyền tư vấn học nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép tuyên truyền tại các hội nghị. Công tác tuyên truyền tư vấn học nghề được chú trọng đặc biệt cho các lao động nữ và học sinh phổ thông lớp 12.

43. Theo báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình mục tiêu về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn của xã Tân Xã (tháng 4/2013), kết quả công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tại xã Tân Xã như sau:

- Trên 95% hộ dân biết được chính sách của Quyết định 1956.
- Từ năm 2009 đến hết Quý 1/2013 toàn xã đã mở được 14 lớp học nghề cho 560 lao động. Trong đó có 7 lớp (300 lao động là hội viên nông dân) và 7 lớp (260 lao động cho hội viên nữ).
- Tổ chức 03 lớp (105 lao động) dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 trong đó có 02 lớp cho đối tượng bị thu hồi đất và 01 lớp cho đối tượng lao động nông thôn.
- Các ngành nghề được đào tạo chủ yếu bao gồm: may công nghiệp, may giăng đan, điện dân dụng; các ngành nghề cơ khí như tiện, gò, hàn; xây dựng dân dụng
- Từ năm 2009 đã giải quyết việc làm cho 515 lao động.
- UBND xã Tân Xã đang hoàn thiện hồ sơ để tổ chức 05 lớp học nghề cho 175 lao động nông thôn trong Quý 3 và 4/2013. Trong thời gian tới một số mô hình đào tạo nghề sản xuất nông nghiệp như trồng rau an toàn, trồng nấm,... cũng sẽ được nghiên cứu đào tạo và mở rộng.

44. Kết quả phỏng vấn cán bộ của UBND xã Bình Yên cho thấy hoạt động đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn và đặc biệt là lao động bị mất đất trên địa bàn xã Bình Yên đã được UBND xã Bình Yên thực hiện nghiêm túc và hiệu quả từ năm 2009 tới nay. Cụ thể như sau:

- Trên 93% hộ dân biết được chính sách của Quyết định 1956.
- UBND xã Bình Yên đã phối hợp với các đơn vị liên quan như Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất và các công ty, cơ sở sản xuất có nhu cầu như: Công ty may thời trang phát triển cao, Trường trung cấp dạy nghề số 17 Bộ Quốc phòng khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo và mở các lớp đào tạo nghề như: may công nghiệp, hàn công nghiệp;... cho người lao động, đặc biệt là lao động bị mất đất cho Dự án Khu CNC Hòa Lạc nói chung và Dự án xây dựng Trường ĐHKHCN Hà Nội nói riêng.
- Từ 2009 tới nay, UBND xã Bình Yên đã tổ chức được 06 lớp đào tạo nghề (50-60 người/lớp) cho các lao động nông thôn của xã đặc biệt là phụ nữ và những người BAH do bị thu hồi đất trên địa bàn xã.
- UBND xã Bình Yên hiện đang hoàn thiện hồ sơ để tổ chức 03 lớp học nghề may công nghiệp và điện dân dụng, mộc và xây dựng dân dụng cho 185 người trong các Quý 3 và 4/2013. Các

lớp đào tạo sản xuất nông nghiệp chất lượng cao như: trồng rau an toàn, trồng nấm, trồng cây, hoa cảnh cũng sẽ được nghiên cứu và triển khai cho các đối tượng là nông dân và đặc biệt là lao động nữ bị mất đất cho Dự án Trường ĐHKHCN Hà Nội.

45. Ngoài ra, UBND các xã Tân Xã và Bình Yên cũng đã thực hiện các chuyến công tác, tìm hiểu nhu cầu thị trường lao động ở các làng nghề trong huyện Thạch Thất, tổ chức các chuyến giao lưu học hỏi kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp cho chất lượng, năng suất và hiệu quả cao (trồng rau sạch; trồng hoa, cây cảnh; trồng nấm;...) tại các xã có mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao; tổ chức giới thiệu việc làm trong các làng nghề truyền thống của huyện (xây dựng, mộc, cơ khí,...) nhằm tạo điều kiện cho người lao động sớm phục hồi và ổn định cuộc sống.

46. Kết quả khảo sát bằng hỏi HGD tại các xã Tân Xã và Bình Yên cho thấy trong tổng số 351 hộ được hỏi (82 hộ thuộc khu 26 ha và 269 hộ thuộc khu 52,7 ha đã nhận tiền đền bù tính tới hết tháng 6/2013) cho thấy có 307 người (87,5%) cho biết họ có khả năng phục hồi thu nhập; 12 người (3,4%) trả lời không biết và có 32 người (9,1%) đề nghị UBND các xã tiếp tục cung cấp các lớp đào tạo nghề, giới thiệu việc làm đặc biệt đối với người BHA là nữ và người lao động có độ tuổi trên 35 tuổi.

K. Các ảnh hưởng và chiến lược về giới

47. Do tác động tái định cư không tự nguyện gây bởi Dự án, dự kiến đa số phụ nữ BAH do bị mất đất ở, đất nông nghiệp, cây cối và mùa màng sẽ chịu thiệt thòi hơn so với nam giới trong việc tìm việc làm mới có thu nhập và việc làm ổn định; kiến tạo lại khả năng tạo thu nhập cho gia đình;

48. Kết quả phỏng vấn cán bộ Hội PN xã Tân Xã và xã Bình Yên cho thấy, trước thời điểm nhận tiền chi trả đền bù hỗ trợ TĐC đa số phụ nữ BAH trong độ tuổi lao động tham gia làm các ngành nghề phụ như may vá, buôn bán, kinh doanh nhỏ hoặc làm thuê cho các cơ sở sản xuất như mây tre đan, nghề mộc, xây dựng. Phụ nữ làm nông nghiệp như trồng lúa; trồng ngô, khoai, sắn cho thu nhập thấp và thường không ổn định.

49. Việc đền bù và thu hồi đất được thực hiện vào thời điểm cuối năm 2012 và đầu năm 2013. UBND các xã Tân Xã và Bình Yên đang thực hiện các cuộc khảo sát, đánh giá nhu cầu hỗ trợ đối với người BHA là nữ giới để xây dựng kế hoạch hỗ trợ cần thiết. Dự kiến các hoạt động hỗ trợ cho người BHA là nữ giới, bao gồm đào tạo nghề và giới thiệu việc làm sẽ được thực hiện từ Quý 4/2013 do vậy, việc đánh giá chiến lược về giới sẽ được thực hiện trong các đợt đánh giá độc lập TĐC tiếp theo.

L. Khả năng của những người BAH, đặc biệt là hộ gia đình BAH nghiêm trọng và có nguy cơ tổn thương, có thể phục hồi/tái thiết cuộc sống và mức sống

50. Kết quả khảo sát 351 hộ BAH đã nhận tiền đền bù và bàn giao đất nông nghiệp tại xã Tân Xã và Bình Yên cho thấy, các hộ này đều là các hộ BAH đáng kể (mất trên 10% đất nông nghiệp). Đất đai bị thu hồi bởi Dự án chủ yếu là đất kém chất lượng và chỉ được sử dụng để gieo trồng các loại cây cho năng suất và giá trị thấp (sắn, khoai, ngô) và thu nhập của các hộ BAH từ hoạt động sản xuất nông nghiệp trên đất đai BAH là không đáng kể so với thu nhập của họ từ các ngành nghề phụ khác. Phần lớn thu nhập của hộ BAH hầu hết được tạo ra từ các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán nhỏ, dịch vụ, chăn nuôi,...

51. Kết quả phỏng vấn hộ BAH cho thấy, với số tiền đền bù đáng kể mà các hộ BAH đã nhận được từ Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất họ có thể tiếp tục đầu tư vào kinh doanh, buôn bán hoặc gửi tiết kiệm và điều này giúp họ từng bước ổn định cuộc sống.

52. Kết quả khảo sát hộ BAH đã nhận tiền đền bù cũng cho thấy kết quả tương tự. Đã có sự thay đổi về cơ cấu và nguồn thu nhập chính của HGD so với trước khi nhận đền bù. Tỷ lệ hộ có nguồn thu nhập chính từ các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán nhỏ và dịch vụ tăng xấp xỉ 0,95% (Tân Xã) và 1,1% (Bình Yên) so với thời điểm đánh giá TĐC Lần 2 (tháng 4-6/2013). Tổng hợp sự thay đổi nguồn thu nhập chính của các hộ BAH tại xã Tân Xã và Bình Yên được trình bày trong

53. **Bảng 9:**

Bảng 9: Tổng hợp sự thay đổi nguồn thu nhập chính từ các hoạt động TTCN, kinh doanh, buôn bán, của hộ BAH trước và sau khi nhận đền bù hỗ trợ tái định cư

Địa điểm	Nguồn thu nhập chính từ TTCN, kinh doanh, buôn bán (%)		
	Tháng 12/2012	Tháng 4-6/2013	Tháng 7/2013
Khu 26 ha (Tân Xã) (n=83)	70,6	76,5	77,45
Khu 52,7 ha (Bình Yên) (n=269)	59	62,4	63,5

Nguồn: Khảo sát hộ BAH – Đánh giá TĐC độc lập lần 3 (7-8/2013)

54. Việc khảo sát thực địa và phỏng vấn cán bộ của UBND các xã Tân Xã và Bình Yên và Phòng LĐ-TB-XH huyện Thạch Thất cho thấy khả năng phục hồi thu nhập của các hộ BAH này khá chắc chắn do các lý do sau đây:

- Tới nay, trên địa bàn huyện Thạch Thất đã có 01 khu công nghiệp, 8 điểm công nghiệp đã đi vào hoạt động, có 9/56 làng nghề được công nhận, 827 doanh nghiệp và 20.855 hộ sản xuất kinh doanh ổn định. Đây chính là điểm "hút", là nơi tạo ra rất nhiều việc làm cho người lao động tại địa phương, bao gồm những người lao động BAH do mất đất nông nghiệp.
- Xã Tân Xã và xã Bình Yên nằm gần kề với 09 làng nghề truyền thống của huyện Thạch Thất, bao gồm: (1) cơ kim khí Phùng Xá; (2) mộc, may Hữu Bằng; (3) mộc Chàng Sơn; (4) làng nghề mộc – xây dựng Canh Nậu; (5) làng nghề mộc – xây dựng Dị Nậu; (6) mây giang đan Phú Hòa; (7) mây giang đan Thái Hòa; (8) mây tre, giang đan Bình Xá; (9) làng nghề chè lam Thạch Xá. Các làng nghề truyền thống này hiện đang phát triển và có nhu cầu cao về lao động phổ thông cũng như các lao động có kỹ năng phù hợp với khả năng và đặc điểm văn hóa của những người BAH tại đây.
- Xã Tân Xã và Bình Yên nằm cách khu vực trung tâm TP. Hà Nội khoảng 30 km là khu vực đòi hỏi nhiều lao động và tạo cơ hội việc làm cho các hộ BAH bởi Dự án. Một số loại hình lao động như xây dựng, mộc, vệ sinh công nghiệp, may công nghiệp, giúp việc, bán hàng, bảo vệ, ... là những loại hình công việc có nhu cầu mà người dân ở đây có thể tham gia làm việc.
- UBND các xã hiện đang nghiên cứu các mô hình sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao để hướng dẫn cho người dân, đặc biệt là người BAH bởi Dự án để họ có thể học hỏi và từng bước áp dụng trong thời gian tới.
- Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất hiện đang hoàn thiện Kế hoạch hành động giúp những người BAH do mất đất nông nghiệp trên địa bàn huyện để họ có khả năng phục hồi thu nhập thông qua các chương trình đào tạo nghề và giới thiệu việc làm.

M. Tác động của tái định cư gây ra trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng

55. Tới nay, các hoạt động xây dựng vẫn chưa được triển khai do vậy các tác động TĐC gây ra trong quá trình thực hiện xây dựng vẫn chưa được nhận biết. Vấn đề này sẽ được nghiên cứu và trình bày trong các Báo cáo đánh giá độc lập TĐC tiếp theo.

N. Sự tham gia của người BAH trong việc cập nhật và thực hiện Kế hoạch TĐC

56. Kết quả khảo sát phỏng vấn bằng bảng hỏi HGD cho thấy đa số người BAH đã được tham gia vào việc lập kế hoạch TĐC; cập nhật Kế hoạch TĐC thông qua việc tham gia vào các cuộc khảo sát hộ gia đình, tham khảo ý kiến đối với phương án đền bù hỗ trợ TĐC do Hội đồng ĐBHTTĐC lập. Tại các cuộc họp tham vấn cộng đồng, người BAH được cung cấp thông tin, tham vấn về chính sách TĐC của Dự án, cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại, các quyền lợi của người BAH

57. Khảo sát HGD cho thấy, 100% người BAH đã nhận chi trả đền bù và hỗ trợ TĐC cho biết họ được thông báo về việc đo đạc kiểm đếm chi tiết, các phương án đền bù, hỗ trợ. Trong trường hợp có khiếu nại, người BAH được quyền khiếu nại lên các cấp có thẩm quyền để được giải quyết và hỗ trợ về mặt pháp lý.

O. Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo

58. Kế hoạch TĐC của Dự án đã được thực hiện với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm: Bộ GDĐT; Ban QLKCNC Hòa Lạc; UBND huyện Thạch Thất; Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất; Ban chỉ đạo ĐBHTTĐC TP. Hà Nội. Các cơ quan này được đánh giá là có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện các hoạt động ghi trong Kế hoạch TĐC (chi tiết xem Báo cáo đánh giá TĐC độc lập – Lần 1 và 2). Các cơ quan này đã tư vấn giúp Chính phủ và UBND TP. Hà Nội ban hành các cơ chế chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ đền bù hỗ trợ TĐC của Dự án.

59. Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội đã tuyển dụng 01 tư vấn (ông Hoàng Trường Nam) làm nhiệm vụ giám sát TĐC nội bộ các hoạt động TĐC của Dự án. Tư vấn giám sát TĐC nội bộ đã thực hiện các hoạt động giám sát nội bộ và định kỳ hàng quý lập và trình Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội các Báo cáo giám sát TĐC nội bộ.

60. Về cơ bản, báo cáo giám sát nội bộ của Tư vấn giám sát TĐC nội bộ đã thể hiện các chỉ số giám sát nội bộ theo yêu cầu ghi trong Kế hoạch TĐC bao gồm: (i) chi trả đền bù cho các hộ BAH theo chính sách của Dự án; (ii) thực hiện và hoàn thành các hoạt động TĐC và khởi động các hoạt động xây dựng; (iii) tham vấn và phổ biến thông tin và quy trình tham vấn; (iv) quy trình giải quyết khiếu nại; (v) thông tin về nguồn vốn và việc sử dụng nguồn vốn cho hoạt động TĐC.

P. Nguồn tiền và dòng tiền để thanh toán bồi thường và hỗ trợ cho những người BAH hoặc những người BAH bị di dời

61. Kinh phí để thanh toán bồi thường và hỗ trợ cho những người BAH bởi Dự án Khu CNC Hòa Lạc (trong đó có Dự án ĐHKHCN Hà Nội) được cấp từ ngân sách Nhà nước cho Hội đồng ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất thông qua Ban QLKCNC Hòa Lạc. Ban QLKCNC Hòa Lạc đã ưu tiên sử dụng kinh phí được cấp để phục vụ cho hoạt động đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đai, tài sản BAH, thực hiện chi trả đền bù hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH.

62. Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính cần cân đối bố trí nguồn vốn dự kiến là 242 tỷ VND để đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện TĐC cho các hộ BAH còn lại tại khu 26 ha và khu 52,7 ha.

Q. Giá thay thế

63. Kết quả khảo sát cho thấy, giá đền bù thiệt hại về đất đai, cây cối, hoa màu cho các hộ BAH đã nhận tiền đền bù tại xã Tân Xã (31 hộ) và xã Bình Yên (152 hộ) trong Quý 2/2013 được áp dụng theo Quyết định 51. Đơn giá đền bù các loại cây cối, hoa màu được áp dụng theo Văn bản số 6323. Trong thời gian qua, Hội đồng ĐBHTTĐC đã thực hiện việc ĐBHTTĐC cho các hộ BAH do mất đất trồng lúa, đất trồng sắn, đất rừng mà chưa thực hiện việc đền bù cho các thiệt hại do mất đất ở, nhà cửa và các công trình kiến trúc khác. Nhìn chung, giá đền bù theo các loại đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm;... theo Quyết định của UBND TP. Hà Nội trong năm 2013 không có sự biến đổi so với đơn giá áp dụng trong năm 2012.

64. Mức giá thay thế theo khảo sát của Tư vấn khá tương đồng với mức giá ban hành bởi UBND TP. Hà Nội, cụ thể như sau:

Bảng 10: Tổng hợp đơn giá đền bù theo QĐ của UBND TP. Hà Nội (năm 2013) so với đơn giá thay thế theo khảo sát của Tư vấn đánh giá độc lập TĐC (tháng 7/2013)

No.	Loại tài sản	Đơn vị	Đơn giá theo QĐ của Hà Nội năm 2013 (VND)	Đơn giá thay thế (VND)
1	Giá đất nông nghiệp được giao	m ²	105.000	104.000-106.000
2	Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm	m ²	98.000	97.000-98.500
3	Giá đền bù các loại cây hoa màu (lúa tẻ)	m ²	7.000	6.700-7.500

Nguồn: Khảo sát giá thay thế - Tư vấn đánh giá độc lập TĐC (tháng 7-8/2013)

65. Với sự chênh lệch không đáng kể về đơn giá theo quy định của UBND TP. Hà Nội và giá thay thế, thì việc áp dụng đơn giá theo quy định của UBND TP. Hà Nội trong năm 2013 là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Dự án và của ADB.

R. Bố trí khu tái định cư

66. 01 khu tái định cư tại khu Nam đường 84 thuộc xã Bình Yên với diện tích là 36,04 ha đang được phát triển để tiếp nhận các hộ bị di dời để phục vụ cho các dự án tại Khu CNC Hòa Lạc. Các hạng mục hạ tầng cơ sở cơ bản như đường nội bộ; điện sinh hoạt; cấp nước và thoát nước đã được đầu tư xây dựng.

67. Khu TĐC này nằm cách khu đất của các hộ BAH tại xã Tân Xã và xã Bình Yên từ 1,0-1,5 km. Tới nay, hệ thống đường giao thông nội bộ, kết nối với hạ tầng của khu vực xung quanh đã được hoàn thiện, thuận lợi cho việc đi lại và sinh hoạt của người dân. Ngoài ra, khu vực này được bố trí gần với các công trình thiết yếu như trường mẫu giáo, trường tiểu học, chợ và trạm y tế, ... đáp ứng nhu cầu của người dân khi tới sinh sống tại đây.

IV. Đề xuất và Khuyến nghị

A. Thu hồi và bàn giao đất

68. UBND huyện Thạch Thất và Ban QLKCNC Hòa Lạc cần có các biện pháp hữu hiệu để đẩy nhanh tiến độ thu hồi và bàn giao đất sạch cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội. UBND huyện Thạch Thất cần nhanh chóng thực hiện các thủ tục bàn giao: (i) 8,8 ha đất đã thu hồi (khu 26 ha) trong Quý 2/2013 cho Ban QLKCNC Hòa Lạc để Ban QLKCNC Hòa Lạc bàn giao đất cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội; (ii) phần diện tích đất sạch 18,9 ha đã thu hồi tại khu 52,7 ha cho 02 đơn vị bộ đội để các đơn vị này có thể thực hiện các công việc chuẩn bị xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa điểm mới và bàn giao phần diện tích đất còn lại (19 ha tại khu 39 ha) cho Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội.

B. Kinh phí

69. Ban QLKCNC Hòa Lạc cần tích cực làm việc với Bộ KHĐT, Bộ Tài chính để nhanh chóng bố trí vốn 242 tỷ VND trong Quý 3, 4/2013 theo yêu cầu của Thủ tướng chính phủ để đáp ứng nhu cầu chi trả đền bù, hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH tại khu 26 ha và khu 52,7 ha.

70. Ban QLKCNC Hòa Lạc cần thường xuyên theo dõi và hỗ trợ UBND huyện Thạch Thất trong việc tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả, đúng trọng tâm nguồn kinh phí được cấp cho các hoạt động chi trả đền bù, hỗ trợ TĐC cho các hộ BAH trong phạm vi Dự án.

C. Hợp đồng Tư vấn đánh giá độc lập TĐC

71. Mức độ ảnh hưởng TĐC của Dự án đã có sự thay đổi đáng kể từ 77 hộ (theo Kế hoạch TĐC tháng 11/2010) lên khoảng 550 hộ BAH, tăng khoảng 07 lần so với Kế hoạch ban đầu và diện tích BAH cần đánh giá tăng từ 26 hecta lên 111,7 hectare. Để đảm bảo thực hiện các hoạt động đánh giá độc lập TĐC của Dự án đáp ứng các yêu cầu theo Chính sách an toàn của ADB (6/2009), Tư vấn đề nghị Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội xem xét điều chỉnh phạm vi đánh giá và kinh phí của Hợp đồng Tư vấn Đánh giá TĐC Độc lập đã ký.

D. Các chương trình phục hồi thu nhập

72. UBND huyện Thạch Thất cần xem xét thực hiện các hoạt động giám sát và hoặc hỗ trợ để đảm bảo rằng các biện pháp phục hồi thu nhập cho các hộ BAH bởi Dự án tại xã Tân Xã và xã Bình Yên, đặc biệt đối với các hộ bị mất trên 10% diện tích đất nông nghiệp, các hộ dễ bị tổn thương như hộ có phụ nữ làm chủ hộ, hộ có người tàn tật,....

73. UBND huyện Thạch Thất và UBND các xã Tân Xã và Bình Yên cần xem xét thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng các khóa đào tạo nghề, giới thiệu việc làm được triển khai một cách hiệu quả và phù hợp với năng lực và trình độ của người BAH. Các hoạt động này có thể bao gồm:

- Khảo sát thị trường lao động và đánh giá nhu cầu lao động cũng như tuyển dụng việc làm của các cơ sở có tiềm năng.
- Định kỳ hàng tháng, quý thực hiện khảo sát và giám sát kết quả hoạt động của các hoạt động hỗ trợ, đào tạo, giới thiệu việc làm.

- Phối kết hợp với các cơ quan đoàn thể liên quan như Hội phụ nữ của TP. Hà Nội, và Hội phụ nữ các huyện lân cận để có biện pháp thích hợp nhằm hỗ trợ cho người BAH là nữ giới, đặc biệt đối với nữ giới BHA có độ tuổi trên 35.

74. Ngoài ra, UBND huyện Thạch Thất, UBND các xã Tân Xã và Bình Yên cần xem xét tổ chức các hội thảo, nói chuyện chuyên đề, ... hướng dẫn cho người BAH cách thức quản lý và sử dụng hiệu quả số tiền đền bù hỗ trợ TĐC, đồng thời giúp các hộ BAH giảm thiểu rủi ro do lãng phí hoặc thất thoát nguồn tiền mà họ đã nhận được do thiếu hiểu biết hoặc thiếu kỹ năng quản lý tiền.

E. Thực hiện các hoạt động chuẩn bị

75. Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động chuẩn bị, bao gồm: khảo sát địa chất, xây dựng hàng rào tạm bảo vệ khu đất, rà phá bom mìn đối với khu đất đã được bàn giao từ Ban QLKCN Hòa Lạc để bảo vệ chống tái lấn chiếm.

F. Sự phối hợp với các hoạt động xây dựng

76. Các hoạt động xây dựng của Dự án ĐHKHCN Hà Nội cần được chuẩn bị sẵn sàng để có thể bắt đầu thực hiện ngay khi tiếp nhận đất sạch từ Ban QLKCN Hòa Lạc.

77. Ban QLDA ĐHKHCN Hà Nội cần có các biện pháp để đảm bảo rằng việc xây dựng các công trình của Dự án sẽ chỉ được bắt đầu trên khu đất sạch sau khi đã hoàn thành đền bù, hỗ trợ cho các hộ BAH.

Phụ lục 1: Danh sách cán bộ đã làm việc với Tư vấn

- 1. Ban Quản lý Dự án ĐHKHCN Hà Nội**
 - Ông Nguyễn Văn Ngữ - Giám đốc Ban QLDAKHCN Hà Nội
 - Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó Giám đốc QLDAKHCN Hà Nội
 - Ông Hoàng Trường Nam - Tư vấn đánh giá nội bộ TĐC
- 2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc**
 - Ông Nguyễn Duy Thắng – Phó trưởng phòng Quản lý đất đai.
 - Ông Chu Sỹ Huân - Cán bộ Ban Quy hoạch
 - Bà Nguyễn Thị Kim Lan – Cán bộ Ban Tài chính – Kế toán
- 3. Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Thạch Thất**
 - Ông Đỗ Minh Đà - Phó trưởng Ban - Ban ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất.
 - Ông Nguyễn Thành Khôi –Phó trưởng Ban – Ban ĐBHTTĐC huyện Thạch Thất
- 4. Phòng LĐ-TB-XH UBND huyện Thạch Thất**
 - Ông Nguyễn Quyết Thăng – Phó phòng LĐ-TB-XH
- 5. UBND xã Tân Xã**
 - Ông Lê Văn Bắc - Chủ tịch UBND xã Tân Xã
 - Ông Lê Văn Lợi - Cán bộ địa chính - UBND xã Tân Xã
 - Ông Lê Hồng Minh - Trưởng thôn I - xã Tân Xã
 - Bà Nguyễn Thị Thắm – Chi Hội trưởng Chi hội Phụ nữ thôn I – Tân Xã
- 6. UBND xã Bình Yên**
 - Ông Lê Văn Mão – Chủ tịch UBND xã Bình Yên
 - Ông Ngô Văn Ngọt – Trưởng thôn Thái Bình
 - Ông Ngô Văn Lành – Phó thôn Thái Bình
 - Ông Ngô Văn Lược - Trưởng thôn Cánh Chủ
 - Ông Trần Tám – Phó thôn Cánh Chủ
 - Ông Nguyễn Văn Hương – Cán bộ địa chính – UBND xã Bình Yên
 - Bà Hoàng Thị Sen – Chủ tịch Hội phụ nữ Xã Bình Yên

Phụ lục 2: Danh sách các hộ BAH tại xã Tân Xã và xã Bình Yên

1. Danh sách các hộ BAH tại khu 26 ha - xã Tân Xã

No.	Code	Tên chủ hộ	Tổng diện tích BAH (m ²)	Diện tích đã trả tiền (m ²)	Loại đất
1	TX-001-1	Dương Tiên Chức	324.6	324.6	L
2	TX-002-1	Nguyễn Đình Nghi	262.6	262.6	L
3	TX-003	Nguyễn Đình Vĩ (Sư)	304.4	304.4	L
4	TX-004-1	Dương Tiên Thành	281.2	281.2	L
5	TX-004-2	Dương Tiên Thành	563.1	563.1	L
6	TX-005	Đỗ Văn Sắc	517.2	517.2	L
7	TX-006-1	Chu Văn Tuấn (Quyền)	612.1	612.1	L
8	TX-006-2	Chu Văn Tuấn (Quyền)	95.9	95.9	HM
9	TX-006-3	Chu Văn Tuấn (Quyền)	73.0	73.0	HM
10	TX-007	Dương Tiên Yêu (Thiên)	426.9	426.9	L
11	TX-008	Nguyễn Tiên Thuần	339.4	339.4	HM
12	TX-009-1	Trương Hồ Cung	684.5	684.5	L
13	TX-009-2	Trương Hồ Cung	275.1	275.1	L
14	TX-010-1	Nguyễn Văn Lượng (Sáng)	189.3	189.3	L
15	TX-010-2	Nguyễn Văn Lượng (Sáng)	717.8	717.8	L
16	TX-011	Dương Tiên Tinh	110.5	110.5	HM
17	TX-012	Trương Công Kim	330.8	330.8	L
18	TX-013	Chu Văn Mơ (Kiếm)	287.1	287.1	L
19	TX-014	Chu Văn Hành (Thực)	241.3	241.3	L
20	TX-015-1	Dương Tiên Ái	399.4	399.4	L
21	TX-015-2	Dương Tiên Ái	295.6	295.6	L
22	TX-016	Trọng Thị Hối	221.8	221.8	L
23	TX-017-1	Chu Hữu Điều	255.9	255.9	L
24	TX-017-2	Chu Hữu Điều	154.8	154.8	L
25	TX-018-1	Nguyễn Văn Đô	219.5	219.5	L
26	TX-019-1	Nguyễn Văn Hà (Mỹ)	292.2	292.2	L
27	TX-019-2	Nguyễn Văn Hà (Mỹ)	1,084.7	1,084.7	HM
28	TX-020	Nguyễn Huy Cận (Sư)	291.7	291.7	L
29	TX-021	Nguyễn Tiên Luận (Ngà)	272.4	272.4	L
30	TX-022	Dương Tiên Chiên	420.8	420.8	L
31	TX-023-1	Trương Công Quỳnh	216.7	216.7	L
32	TX-024-1	Nguyễn Huy Hình	759.8	759.8	L
33	TX-024-2	Nguyễn Huy Hình	390.7	390.7	L
34	TX-025-1	Trương Thị Phục	118.5	118.5	L
35	TX-025-2	Trương Thị Phục	559.4	559.4	L
36	TX-025-3	Trương Thị Phục	104.4	104.4	L
37	TX-026-1	Trương Công An	340.3	340.3	L
38	TX-026-2	Trương Công An	638.2	638.2	L
39	TX-026-3	Trương Công An	306.0	306.0	L
40	TX-027-1	Nguyễn Văn Quảng	123.5	123.5	HM
41	TX-028-1	Nguyễn Đình Tự	162.8	162.8	L
42	TX-029-1	Phạm Việt Phụ (Nhật)	362.7	362.7	L
43	TX-029-2	Phạm Việt Phụ (Nhật)	373.4	373.4	HM
44	TX-030	Chu Văn Đậu (Huệ)	545.4	545.4	L
45	TX-031	Trương Công Danh	167.0	167.0	HM
46	TX-032-1	Nguyễn Tiên Toàn	255.5	255.5	L
47	TX-033	Phạm Thị Nụ	331.5	331.5	L
48	TX-034	Dương Tiên Lệ	222.7	222.7	L
49	TX-035-1	Nguyễn Thị Oanh	361.0	361.0	L
50	TX-035-2	Nguyễn Thị Oanh	146.8	146.8	HM
51	TX-035-3	Nguyễn Thị Oanh	186.8	186.8	L
52	TX-036	Nguyễn Tiên Tích	474.1	474.1	L
53	TX-037-1	Nguyễn Văn Hồng	396.2	396.2	HM
54	TX-037-2	Nguyễn Văn Hồng	772.7	772.7	L
55	TX-038-1	Nguyễn Văn Lượng (Liên)	298.5	298.5	L
56	TX-038-2	Nguyễn Văn Lượng (Liên)	181.2	181.2	L
57	TX-001-2	Dương Tiên Chức	603.6	603.6	HM
58	TX-001-3	Dương Tiên Chức	836.3	836.3	HM

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

59	TX-039	Nguyễn Văn Lộc (Phong)	519.2	519.2	HM
60	TX-040	Nguyễn Văn Trinh	661.1	661.1	L
61	TX-041-1	Nguyễn Văn Lượng (Hoa)	327.9	327.9	HM
62	TX-041-2	Nguyễn Văn Lượng (Hoa)	172.5	172.5	HM
63	TX-042-1	Chu Văn Tuấn (Quyên)	350.3	350.3	HM
64	TX-043-1	Nguyễn Văn Tròn (Dung)	340.8	340.8	L
65	TX-044	Tô Thành Trung	212.7	212.7	HM
66	TX-045-1	Nguyễn Thị Hạnh	161.5	161.5	HM
67	TX-045-2	Nguyễn Thị Hạnh	252.5	252.5	HM
68	TX-045-3	Nguyễn Thị Hạnh	509.1	509.1	HM
69	TX-046-1	Nguyễn Tiên Lực (Duyên)	578.4	578.4	HM
70	TX-046-2	Nguyễn Tiên Lực (Duyên)	97.9	97.9	HM
71	TX-018-2	Nguyễn Văn Đô	80.8	80.8	HM
72	TX-018-3	Nguyễn Văn Đô	124.1	124.1	HM
73	TX-018-4	Nguyễn Văn Đô	347.2	347.2	HM
74	TX-023-2	Trương Công Quỳnh	571.9	571.9	HM
75	TX-047-1	Nguyễn Văn Diện(Nón)	389.5	389.5	L
76	TX-047-2	Nguyễn Văn Diện(Nón)	87.0	87.0	L
77	TX-047-3	Nguyễn Văn Diện(Nón)	88.0	88.0	L
78	TX-027-2	Nguyễn Văn Quảng	233.3	233.3	L
79	TX-027-3	Nguyễn Văn Quảng	188.5	188.5	L
80	TX-027-4	Nguyễn Văn Quảng	51.8	51.8	L
81	TX-027-5	Nguyễn Văn Quảng	249.8	249.8	HM
82	TX-027-6	Nguyễn Văn Quảng	267.4	267.4	HM
83	TX-027-7	Nguyễn Văn Quảng	118.3	118.3	HM
84	TX-048	Lê Văn Năm (Hiên)	235.4	235.4	HM
85	TX-049	Nguyễn Thị Tuyết	408.3	408.3	L
86	TX-050-1	Nguyễn Tiên Thu	270.8	270.8	HM
87	TX-050-2	Nguyễn Tiên Thu	135.3	135.3	HM
88	TX-050-3	Nguyễn Tiên Thu	419.2	419.2	HM
89	TX-050-4	Nguyễn Tiên Thu	282.0	282.0	HM
90	TX-051-1	Dương Tiên Quyên	44.4	44.4	HM
91	TX-051-2	Dương Tiên Quyên	318.2	318.2	HM
92	TX-052	Nguyễn Huy Bộ	442.3	442.3	L
93	TX-053	Nguyễn Văn Ngan	223.7	223.7	L
94	TX-042-2	Chu Văn Tuấn (Quyên)	547.3	547.3	L
95	TX-054	Dương Tiên Thái	520.0	520.0	L
96	TX-055-1	Nguyễn Tiên Hoàng	434.3	434.3	L
97	TX-056	Dương Tiên Đồ (Hoa)	637.8	637.8	L
98	TX-057	Nguyễn Huy Thiết (Thắm)	304.2	304.2	HM
99	TX-055-2	Nguyễn Tiên Hoàng	346.7	346.7	L
100	TX-058	Dương Tiên Dung (Hoa)	328.9	328.9	L
101	TX-059	Nguyễn Huy Quang	281.2	281.2	L
102	TX-060-1	Dương Tiên Chí	188.4	188.4	L
103	TX-061	Nguyễn Huy Thịnh	228.1	228.1	L
104	TX-062	Nguyễn Thị Tín	608.4	608.4	L
105	TX-063	Nguyễn Thị Vân	4,439.7	4,439.7	HM
106	TX-002-2	Nguyễn Đình Nghi	312.1	312.1	L
107	TX-064	Chu Văn Toán	193.2	193.2	L
108	TX-060-2	Dương Tiên Chí	202.1	202.1	L
109	TX-065-1	Bùi Xuân Thích (Vượng)	667.3	667.3	L
110	TX-066	Nguyễn Hải Vân	404.1	404.1	L
111	TX-067	Chu Văn Hà	142.7	142.7	L
112	TX-028-2	Nguyễn Đình Tự	806.4	806.4	L
113	TX-068-1	Nguyễn Tiên Toán	243.0	243.0	L
114	TX-023-3	Trương Công Quỳnh	347.1	347.1	L
115	TX-043-2	Nguyễn Văn Tròn (Dung)	367.7	367.7	L
116	TX-009-3	Trương Hồ Cung	2,620.5	2,620.5	HM
117	TX-065-2	Bùi Xuân Thích (Vượng)	462.5	462.5	L
118	TX-069	Nguyễn Thị Hoá	259.5	259.5	L
119	TX-070	Dương Tiên Đông	772.3	772.3	L
120	TX-032-2	Nguyễn Tiên Toán	929.9	929.9	*
121	TX-071	Phùng Văn Sỹ	287.4	287.4	L
122	TX-072-1	Phạm Thị Thu (Láng)	474.5	474.5	L
123	TX-065-3	Bùi Xuân Thích (Vượng)	161.3	161.3	L
124	TX-073	Phạm Thừa Sử	166.5	166.5	L

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

125	TX-074-1	Đặng Thị Hà	341.9	341.9	L
126	TX-075	Nguyễn Thị Hiền	178.2	178.2	L
127	TX-074-2	Đặng Thị Hà	287.2	287.2	L
128	TX-076-1	Nguyễn Tiến Dũng (Nhài)	383.3	383.3	
129	TX-077	Nguyễn Văn Thanh	15,398.8	15,398.8	R
130	TX-078	Nguyễn Tiến Dũng	1,944.0	1,944.0	*
131	TX-068-2	Nguyễn Tiến Toán	898.0	898.0	L
132	TX-068-3	Nguyễn Tiến Toán	181.6	181.6	L
133	TX-076-2	Nguyễn Tiến Dũng (Nhài)	1,563.3	1,563.3	*
134	TX-032-3	Nguyễn Tiến Toán	774.8	774.8	V
135	TX-032-4	Nguyễn Tiến Toán	508.3	508.3	HM
136	TX-079	Chu Văn Toán	9,039.5	9,039.5	R
137	TX-080	Trương Công An (cũ) Ng. V. Thanh (M)	6,173.5	6,173.5	R
138	TX-081	Chu Văn Sáng	33,225.4	33,225.4	R
139	TX-082	Nguyễn Đình Cảnh	885.3	885.3	L
140	TX-001-3	Dương Tiên Chức	613.3	613.3	HM
141	TX-072-2	Phạm Thị Thu (Láng)	9,632.3	9,632.3	R
142	TX-083	Lê Dương Thùy Chi	8,473.1	8,473.1	R
143	TX-084	Nguyễn Văn Hoàn	15,595.3		R
144	TX-085	Ng. Đ. Hạnh(M) Ng. V. Triệu (cũ)	11,186.0		V
145	TX-086	Nguyễn Văn Triệu	360.0		V
146	TX-087	Ng V Lượng (UQ Ng. Đức Hạnh)	316.0		V
147	TX-088	Ng. V Triệu (UQ Ng. Đức Hạnh)	1,106.0		V
148	TX-089	Ng. V. Dự (UQ Ng. Đức Hạnh)	1,200.0		V
149	TX-090	Nguyễn Văn Quân	3,710.4		R
Total I			173,203.0	136,222.0	

Nguồn: Hội đồng ĐBHTĐC huyện Thạch Thất, tháng 7/2013. Code các hộ BAH do Tư vấn lập. Ghi chú: (L) Lúa; (HM) hoa màu; (V) vườn; (R) rừng.

2. Danh sách các hộ BAH đã nhận tiền đền bù hỗ trợ TĐC - khu 52,7 ha xã Bình Yên (Quý 2/2013)

TT		Họ và tên chủ hộ	Tổng diện tích	Diện tích đã trả tiền	Loại đất
1	BY-091	Đỗ Văn Đắc (GGĐ)- Đỗ Minh Đắc	470.9	470.9	L
2	BY-092	Đỗ Văn Mun (con: Đỗ Văn Khôi)	275.7	275.7	L
3	BY-093	Đỗ Văn Năm- Nguyễn Thị Đường	222.4	222.4	L
4	BY-094	Đỗ Văn Toàn - Nguyễn Thị Hiền	170.6	170.6	L
5	BY-095	Bùi Văn Tu - Nguyễn Thị Mỹ	194.4	194.4	L
6	BY-096	Hoàng Thị Huệ (con Kiều Thị Lan)	339.6	339.6	L
7	BY-097-1	Nguyễn Đình Ngôn- Hoàng Thị Nhân	351.4	351.4	L
8	BY-098-1	Nguyễn Đình Thao (con Nguyễn Đình Việt)	312.4	312.4	L
9	BY-099	Nguyễn Ngọc Lan (GGĐ)- Nguyễn Văn Lan (HK)	690.2	690.2	L
10	BY-100	Nguyễn Thị Thìn - 1927	271.6	271.6	L
11	BY-101-1	Nguyễn Văn Nghĩa - Ngô Thị Huệ	488.6	488.6	L
12	BY-102	Nguyễn Văn Sứ- Nguyễn Thị Khuyến	236.6	236.6	L
13	BY-103	Trần Văn Khôi- Hoàng Thị Diệm	111.4	111.4	L
14	BY-104	Trần Văn Lợi (GGĐ)- Trần Đức Lợi (HK)	255.3	255.3	L
15	BY-105	Trần Văn Sang (GGĐ)- Trần Văn Ty (HK)	427.5	427.5	L
16	BY-106	Đỗ Văn Xuất- Ngô Thị Hoa	260.0	260.00	L
17	BY-107	Nguyễn Thị Dán	240.0	240.00	L
18	BY-108	Nguyễn Thị Ngữ (con Đỗ Văn Tân)	238.7	238.70	L
19	BY-109	Nguyễn Văn Chén - Nguyễn Thị Thập	212.5	212.50	L
20	BY-110	Trần Văn Cán- Nguyễn Thị Dậu	450.3	-	L
21	BY-111	Nguyễn Văn Huệ - Nguyễn Thị Thiệu	917.9	917.90	L
22	BY-112	Đỗ Văn Kinh - Phùng Thị Na	444.5	444.50	L
23	BY-113	Đỗ Văn Hồng - Nguyễn Thị Ngà	136.7	136.70	L
24	BY-114	Đỗ Văn Hoan - Nguyễn Thị Chiêm	176.7	176.70	L
25	BY-115	Vũ Thị Chính (con Nguyễn Văn hương)	512.8	512.8	L/M
26	BY-116	Nguyễn Văn Khuê - Nguyễn Thị Chiến	911.3	911.3	M
27	BY-117	Hoàng Thị Xuân (con Trần Văn Thắng)	127.3	127.3	M
28	BY-118	Nguyễn Văn Nghĩa - Nguyễn Thị Na	516.8	516.8	M
29	BY-119	Đỗ Văn Tý- Hoàng Thị Vườn	613.0	613.0	M
30	BY-120	Nguyễn Văn Bang- Khuất Thị Thúy	47.4	47.4	M
31	BY-120	Hoàng Văn An- Trần Thị Nga	619.4	619.4	M
32	BY-121	Đỗ Văn Huỳnh- Nguyễn Thị Sâm	177.8	177.8	M

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

33	BY-122-1	Nguyễn Thị Tích (con Nguyễn Thị Huyền)	846.5	846.5	M
34	BY-123	Hoàng Thị Thò (con Lại Văn Hiệp)	840.3	840.3	M
35	BY-124	Nguyễn Đình Định - 1954	787.8	787.8	M
36	BY-125	Nguyễn Thị Giảng - 1960	433.2	433.2	M
37	BY-126	Cao Văn Hẹ- Nguyễn Thị Lợi	754.0	754.0	M
38	BY-127-1	Nguyễn Thị Lan - 1959	543.0	543.0	M
39	BY-128	Đỗ Văn Lực- Kiều Thị Hèn	824.3	824.3	M
40	BY-129-1	Hoàng Văn Thơm - Đỗ Thị Mai	763.9	763.9	M
41	BY-130	Nguyễn Thị Mâm - 1951	149.1	149.1	M
42	BY-131	Nguyễn Đình Sáng - Đỗ Thị Hằng	374.0	374.0	M
43	BY-132	Hoàng Thị Huệ - 1961	833.9	833.9	M
44	BY-133	Nguyễn Đình Thất - Hoàng Thị Hương	872.4	872.4	M
45	BY-134	Đình Công Ty (1959)	633.2	633	L
46	BY-135	Ngô Đức Vụ (1957)	1,007.7	1,008	L
47	BY-136	Quách Thị Đà (1963)	1,734.9	1,735	L
48	BY-137-1	Ngô Văn Tĩnh (1920)	2,043.7	2,044	L
49	BY-137a-1	Đào Xuân Chi (1956)	2,131.2	2,131	L
50	BY-138	Ngô Văn Lành (1958)	1,375.5	1,376	L
51	BY-139	Quách Đình Lưu (1942)	1,652.8	1,653	L
52	BY-140-1	Ngô Văn Ngạch (1930)	1,009.7	1,010	L
53	BY-141	Trần Đức Đạo (1939)	329.9	330	L
54	BY-142	Tăng Hữu Hà - Nguyễn thị chúc	1,422.4	1,422	L
55	BY-143	Quách Thị Lành (1960)	817.2	817	L
56	BY-144	Ngô Văn Lê (1961)	1,434.7	1,435	L
57	BY-145	Trần Đức Yên (1955)	425.7	426	L
58	BY-146	Đào Xuân Anh (1981) bỏ Đào Xuân Mẫn	222.8	223	L
59	BY-147	Quách Đình Kết (1967)	427.1	427	L
60	BY-148-1	Khuất Duy Thăng - Đào Thị Na	1,107.3	1,107	L
61	BY-149	Tăng Hữu Mộc (1955)	1,257.8	1,258	L
62	BY-150	Tăng Thị Thọ (1950)	493.9	494	L
63	BY-151	Ng Thị Ca (1955) bỏ Ng Văn Tụng (đã chết)	461.0	461	L
64	BY-152-1	Đào Xuân Sâm (1920)	865.4	865	L
65	BY-153-1	Quách Đình Cam (1960)	1,558.1	1,558	L
66	BY-154-1	Ngô Gia Lạp (1960)	2,013.7	2,013.70	L
67	BY-154-2	Ngô Gia Lạp (1960)	308.3	308.30	L
68	BY-155	Khuất Duy Toàn (1973)	896.5	896.50	L
69	BY-156-1	Ngô Đức Viên (1960)	2,207.6	2,207.60	L
70	BY-157	Tăng Hữu Giang - Vương Thị Đức	249.4	249.40	L
71	BY-158-1	Nguyễn Thị Thăng (1937)	964.7	964.70	L
72	BY-159	Tăng Thị Kỳ (1968)	397.7	397.70	L
73	BY-137a-2	Đào Xuân Chi (1956)	413.0	413.00	L
74	BY-160	Tăng Hữu Tuấn (1972)	258.1	258.10	L
75	BY-161	Trần Đức Hùng (1960) (GCN Trần Đình Hùng)	1,514.5	1,514.5	L
76	BY-162-1	Quách Đình Hồng (1965)	1,540.0	1,540.0	L
77	BY-163-1	Ngô Thị Tuyết (1971)	2,250.0	2,250.0	L
78	BY-164	Khuất Duy Cát (1955)	2,584.1	2,584.1	L
79	BY-165-1	Quách Thị Hương (1958)	864.5	864.5	L
80	BY-166-1	Quách Thị Tách (1950)	457.5	457.5	L
81	BY-167-1	Ngô Ngọc Thanh (1968)	347.5	347.5	L
82	BY-168-1	Nguyễn Văn An - Đào Thị Thanh	144.3	144.3	L
83	BY-169-1	Ngô Văn Chúc (1945)	1,496.4	1,496.4	L
84	BY-170-1	Ngô Văn Thất - Nguyễn Thị Sáng	444.8	444.8	L
85	BY-171	Nguyễn Thị Nhân (1965) - Ngô Văn Phú	2,136.5	2,136.5	L
86	BY-172-1	Quách Đình Nền - Ngô Thị Bội	2,434.2	2,434.2	L
87	BY-173-1	Ngô Văn Thông (1964)	2,329.8	2,329.8	L
88	BY-174-1	Tăng Hữu Sơn (1952)	1,348.1	1,348.1	L
89	BY-175-1	Ngô Gia Năng (1944)	2,524.9	2,524.9	L
90	BY-176	Tăng Hữu Thu (1959)	104.7	104.7	L
91	BY-177	Ngô Văn Lai - Hoàng Thị Nụ	567.0	567.0	L
92	BY-177a-1	Ngô Đức Bang - Nguyễn Thị Hoan	668.4	668.4	L
93	BY-178-1	Lê Thị Lý (1965) - Ngô Văn Nghi	1,519.5	1,519.5	L
94	BY-179-1	Trần Đức Gia (1962)	1,756.3	1,756.3	L
95	BY-180	Nguyễn Văn Sinh (1960)	1,398.7	1,398.7	L
96	BY-181-1	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	487.6	487.6	L
97	BY-182	Ngô Văn Ngải (1930)	1,687.5	1,687.5	L
98	BY-183-1	Ngô Văn Thôn (1955)	1,277.2	1,277.2	L

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

99	BY-164a	Khuất Duy Cát (1955)	257.2	257.20	L
100	BY-177a-2	Ngô Đức Bang - Nguyễn Thị Hoan	111.2	111.20	L
101	BY-184-1	Ngô Thị Hồng (1931)	353.0	353.00	L
102	BY-163-2	Ngô Thị Tuyết (1971)	42.1	42.10	L
103	BY-170-2	Ngô Văn Thất - Nguyễn Thị Sáng	501.1	501.10	L
104	BY-175-2	Ngô Gia Năng (1944)	303.9	303.90	L
105	BY-185	Đào Xuân Nê - Tạ Thị Nghi	77.1		L
106	BY-186	Tăng Thị Đông (1961)	733.7		L
107		UBND xã bình yên (Thôn Thái Bình)	19,881.0	19,881.0	L
108	BY-174-2	Tăng Hữu Sơn (1952)	266.1	266.10	L
109	BY-187	Ngô Văn Tuyển (1965)	144.4		L
110	BY-187a	Nguyễn Thị Vón (1955)	1,261.7	1,261.7	L
111	BY-188	Ngô Văn Sáu - Nguyễn Thị Thịnh	499.4	499.4	L
112	BY-189-1	Trần Đức Chắt (1972)	226.1	226.1	L
113	BY-190-1	Ngô Văn Thú - Nguyễn Thị Nê	580.2	580.2	L
114	BY-191	Ngô Văn Tăng (1975)	646.2	646.2	L
115	BY-192	Nguyễn Xuân Đèo (1950)	766.5	766.5	L
116	BY-193-1	Ngô Đức Lân - Nguyễn Thị Sứ	1,863.1	1,863.1	L
117	BY-194-1	Trần Đức Tý - Nguyễn Thị Thư	540.0	540.0	L
118	BY-195-1	Ngô Văn Xuất (1960)	1,015.4	1,015.4	L
119	BY-196	Nguyễn Tiên Quang (1966) - Nguyễn Văn Cường	85.7	85.7	L
120	BY-197	Ngô Thị Đại (1938)	1,310.6	1,310.6	L
121	BY-198	Trần Đức Liên (1957)	2,942.0		
122	BY-199	Vương Thị Vách (1965) - Vương Thị Bách	248.1	248.1	L
123	BY-200-1	Ngô Văn Tư (1940)	613.1	613.1	L
124	BY-201	Ngô Thị Năm (1942) - Ngô Văn Định	1,533.7	1,533.7	L
125		UBND xã Bình Yên	5,900.4	5,900.4	L
126	BY-202-1	Đào Xuân Khăng - Nguyễn Thị Sáu	74.2	74.2	L
127	BY-203	Ngô Văn Tục - Ngô Đức Tục	281.5	281.5	L
128	BY-204	Đào Xuân Sứ - Nguyễn Thị Lan	423.7		L
129	BY-205	Nguyễn Xuân Bùi - Nguyễn Thị Thật	534.5	534.50	L
130	BY-206	Trần Đức Sáu - Khuất Thị Hoa	238.2	238.20	L
131	BY-127-2	Nguyễn Thị Lan (1957)	749.3	749.30	L
132	BY-207	Quách Đình Thuận (1960)	2,472.8	2,472.80	L
133	BY-164b-1	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	320.9	320.9	L
134	BY-137-2	Ngô Văn Tĩnh - Vương Thị Tĩnh	288.3	288.3	L
135	BY-208	Đình Công Thoa - Phùng Thị Mai	1,126.2	1,126.2	L
136	BY-162-1	Quách Đình Hồng - Ngô Thị Dung	150.7	150.7	L
137	BY-209-1	Khuất Duy Toàn - Đỗ Thị Hương	206.1	206.1	L
138	BY-210	Đào Xuân Luật (1969)	360.5	360.5	L
139	BY-211-1	Ngô Văn Quý - Đỗ Thị Chính	463.7		L
140	BY-212	Ngô Thị Đoàn (1944)	369.9		L
141	BY-213	Nguyễn Thị Hoa (1952)	197.7		L
142	BY-214	Ngô Thị Mận (1939)	348.6	348.6	L
143	BY-215	Trần Đức Cánh - Nguyễn Thị Miên	1,166.4	1,166.4	L
144	BY-215-1	Ngô Thị Chu (1940)	157.3	157.3	L
145	BY-216-1	Nguyễn Văn Sinh - Ngô Thị Đạt	1,971.4	1,971.4	L
146	BY-217	Nguyễn Văn Kiên (1971)	406.5	406.5	L
147	BY-218	Nguyễn Thị Cầu - Trần Văn Dỹ	1,823.5	1,823.5	L
148	BY-219-1	Ngô Văn Vui - Hoàng Thị Thủy	4,693.6	4,693.6	L
149	BY-168-2	Nguyễn Văn An - Đào Thị Thanh	2,152.4	2,152.4	L
150	BY-220-1	Ngô Văn Lê - Tạ Thị Đề	922.8		L
151	BY-221	Trần Đức Đa - Nguyễn Thị Liên	1,419.9		L
152	BY-222-1	Đào Xuân Chi - Đinh Thị Tần	177.1	177.1	L
153	BY-223	Nguyễn Ngọc Hải - Bùi Thị Chanh	223.9		L
154	BY-224-1	Hoàng Thị Đào (1958)	365.2		L
155	BY-225	Nguyễn Thị Bục (1938) - Đỗ Văn Lễ	607.6		L
156	BY-226	Đỗ Văn Bằng - Hoàng Thị Đàm	561.6		L
157	BY-227	Hoàng Thị Xuân (1961)	300.0		L
158	BY-228	Nguyễn Thị Bàn (1957)	757.4		L
159	BY-229	Nguyễn Tất Thắng - Nguyễn Thị Thơi	1,051.6		L
160	BY-230	Đỗ Văn Hân (1953)	429.1		L
161	BY-231	Nguyễn Văn Lâu (1951)	441.3		L
162	BY-232	Nguyễn Thị Nhân (1963)	389.9		L
163	BY-233	Đỗ Văn Thành (1964)	595.5		L
164	BY-234	Nguyễn Văn Phụng - Đỗ Thị Sen	216.0		L

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

165	BY-235	Hoàng Văn Thu - Đào Thị Sen	239.3	L
166	BY-236	Cao Thị Hà (1960)	665.0	L
167	BY-237	Nguyễn Đình Hùng	1,286.7	L
168	BY-238	Đỗ Văn Hợi	479.2	L
169	BY-239	Nguyễn Đình Xoan (1960)	518.0	L
170	BY-240	Nguyễn Đình Bảy (1972)	513.8	L
171	BY-241	Nguyễn Thị Hà (1945)	342.0	L
172	BY-242	Phan Văn Toàn (1990)	422.5	L
173	BY-177a-3	Ngô Đức Bang	296.9	L
174	BY-243	Nguyễn Văn Lăng	2,059.3	L
175	BY-244	Kiều Thị Liên (1944)	364.9	L
176	BY-245	Hoàng Quốc Trị (1933)	202.1	L
177	BY-246	Nguyễn Đình Thao (1957)	855.5	L
178	BY-247	Đỗ Văn Mùi (1963)	557.7	L
179	BY-248-1	Hoàng Văn Tài (1934)	306.6	L
180	BY-249	Trần Văn Toán - Lê Thị Thanh	464.1	L
181	BY-250	Đào Thị Du (1930)	37.9	L
182	BY-251-1	Nguyễn Đình Kế - Nguyễn Thị Chuyên	1,235.1	L
183	BY-252	Hoàng Văn Tá - Ngô Thị Liễu	360.0	L
184	BY-253	Nguyễn Thị Liên (1963)	748.1	L
185	BY-254	Nguyễn Văn Hôn - Nguyễn Thị Thao	1,254.0	L
186	BY-255-1	Nguyễn Đình Thứ - Đỗ Thị Hậu	1,161.2	L
187	BY-256-1	Nguyễn Đình Sáng - Đỗ Thị Tạo	358.3	L
188	BY-251-2	Nguyễn Đình Kế - Nguyễn Thị Chuyên	219.3	L
189	BY-255-2	Nguyễn Đình Thứ - Đỗ Thị Hậu	535.5	L
190	BY-256-2	Nguyễn Đình Sáng - Đỗ Thị Tạo	1,239.7	L
191	BY-257	Nguyễn Thị Chanh (1964)	96.5	L
192	BY-258	Nguyễn Đình Tám - Ngô Thị Lâm	744.5	L
193	BY-259	Nguyễn Đình Ngôn (1914)	532.5	L
194	BY-260	Nguyễn Thị Tịch (1932)	558.0	L
195	BY-261	Nguyễn Thị Thuôi (1962) - Trần Văn Tiến	158.3	L
196	BY-262	Bùi Thị Tượng (1942)	305.3	L
197	BY-263	Nguyễn Đình Nghi (1947)	694.6	L
198	BY-264	Nguyễn Thị Lân (1956)	246.4	L
199	BY-265	Đỗ Thị Huệ (1930)	582.8	L
200	BY-266	Nguyễn Đình Thực (1979) - Nguyễn Thị Lua	536.0	L
201	BY-267	Nguyễn Thị Liên (1933)	1,165.4	L
202	BY-268	Nguyễn Thị Liên (1963) - Hoàng Văn Dược	536.8	L
203	BY-269	Hoàng Thị Hạ (1963)	400.0	L
204	BY-270	Nguyễn Thị Luyện (1963)	400.0	L
205	BY-271	Hoàng Văn Thom (1933)	246.6	L
206	BY-272	Đỗ Văn Lập - Nguyễn Thị Mây	440.3	L
207	BY-273	Hoàng Văn Long - Nguyễn Thị Hằng	464.0	L
208	BY-274	Nguyễn Văn Nghĩa - Ngô Thị Huệ	381.9	L
209	BY-275	Nguyễn Thị Khoát (1936)	483.6	L
210	BY-276	Nguyễn Thị Loan (1966) - Hoàng Văn Phú	373.3	L
211	BY-277	Hoàng Văn Thát (1971)	396.6	L
212	BY-278	Đỗ Văn Cử (1957) mẹ Đỗ Thị Kinh (đã mất)	253.4	L
213	BY-279	Nguyễn Văn An (1932)	824.0	L
214	BY-224-2	Hoàng Thị Đào (1958)	501.9	L
215	BY-280	Nguyễn Đình Nội (1947)	715.4	L
216	BY-281	Nguyễn Văn Sứ (1959)	617.4	L
217	BY-282	Nguyễn Thị Hương (1977) mẹ Hoàng Thị Mùi	765.5	L
218	BY-283	Nguyễn Văn Ninh - Nguyễn Thị Lương	3,026.5	L
219	BY-284	Trần Thị Lan (1952)	150.5	L
220	BY-285	Trần Thị Dũng (1932)	1,130.9	L
221		Đất công Thôn Thái Bình	6,430.9	L
222		Đất công thôn Cảnh Chủ	4,927.4	L
223	BY-177a-4	Ngô Đức Bang	296.9	L
224	BY-172-2	Quách Đình Nên	82.6	L
225	BY-286	Trần Đức Vây	965.7	L
226	BY-287	Đào Xuân Ngọc - Vương Thị Toàn	225.5	L
227	BY-288	Đào Thị Na - Khuất Duy Thắng	647.0	L
228	BY-289	Đào Xuân Hùng - Nguyễn Thị Thắm	260.9	L
229	BY-290	Đào Xuân Sâm - Nguyễn Thị Vệt	2,714.4	L
230	BY-291	Cao Thanh Xuân (1951)	293.0	L

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

231	BY-292	Lê Thị Lý (1965)	270.6	L
232	BY-193-2	Ngô Đức Lâm - Nguyễn Thị Sứ	940.6	L
233	BY-293	Ngô Đức La - Hoàng Thị Mùa	193.1	L
234	BY-294	Ngô Đức Viên - Nguyễn Thị Hồng	177.6	L
235	BY-215-2	Ngô Thị Chụ (1940)	682.8	L
236	BY-184-2	Ngô Thị Hồng (1931)	943.2	L
237	BY-295	Ngô Thị Nhi (1964)	440.9	L
238	BY-296-1	Ngô Văn Chúc - Ngô Thị Ty	25.9	L
239	BY-181-2	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	846.1	L
240	BY-296a-1	Ngô Văn Giới - Đào Thị Liên	461.6	L
241	BY-220-2	Ngô Văn Lê - Tạ Thị Đề	96.0	L
242	BY-220-3	Ngô Văn Lê - Tạ thị Đề	190.9	L
243	BY-170-3	Ngô Văn Thất - Nguyễn Thị Sáng	1,059.7	L
244	BY-219-2	Ngô Văn Vui - Hoàng Thị Thúy	98.8	L
245	BY-297	Nguyễn Thị Thăng (1937) - Tăng Hữu Ninh	1,653.3	L
246	BY-298-1	Quách Đình Lưu - Phùng Thị Tường	337.2	L
247	BY-153-2	Quách Đình Cam	308.0	L
248	BY-299-1	Quách Đình Cam - Vương Thị Thế	256.2	L
249	BY-300-1	Quách Thị Đà - Phạm Văn Tiên	155.6	L
250	BY-166-2	Quách Thị Tách (1950)	200.0	L
251	BY-301-1	Tăng Hữu Hà - Nguyễn Thị Chúc	871.4	L
252	BY-302	Trần Đức Sáu - Nguyễn Thị Hương	1,162.7	L
253	BY-194-2	Trần Đức Tý - Nguyễn Thị Thư	276.7	L
254	BY-303	Ngô Văn Tính (đã mất) - Vương Thị Tính	495.0	L
255	BY-304	Đào Xuân Quý - Trần Thị Nhi	279.0	L
256	BY-305	Đào Xuân Trọng - Nguyễn Thị Hoan	709.2	L
257	BY-164b-2	Khuất Duy Cát - Kiều Thị Thái	304.3	L
258	BY-209-2	Khuất Duy Toàn - Đỗ Thị Hương	512.0	L
259	BY-306	Ngô Gia Lập (1953)	480.1	L
260	BY-307	Ngô Gia Năng - Trịnh thị Côi	560.6	L
261	BY-308	Ngô Ngọc Thanh - Ngô Thị Thom	100.1	L
262	BY-309	Ngô Nhật Lương - Đào Thị Hồng	360.6	L
263	BY-310	Ngô Thị Đại (1937)	226.4	L
264	BY-311	Ngô Thị Lai - Nguyễn Quốc Ân	147.2	L
265	BY-163-3	Ngô Thị Tuyết (1971)	493.4	L
266	BY-181-3	Ngô Văn Gia - Vương Thị Niên	347.6	L
267	BY-312	Ngô Văn Ngách - Nguyễn Thị Thanh	510.2	L
268	BY-313	Ngô Văn Thôn - Nguyễn Thị Xuân	340.5	L
269	BY-314	Ngô Văn Thông - Kiều Thị Đáp	74.0	L
270	BY-315	Ngô Văn Xuất - Phan Thị Minh	94.6	L
271	BY-316	Nguyễn Thị Ca bỏ Nguyễn Văn Tụng (đã mất)	271.6	L
272	BY-317	Nguyễn Thị Hoa mẹ Nguyễn Thị Huệ (đã mất)	147.2	L
273	BY-318	Nguyễn Thị Nhi (1940)	147.2	L
274	BY-319	Nguyễn Văn Hào - Lê Thị Sen	668.4	L
275	BY-320	Nguyễn Xuân Đèo (1953)	328.3	L
276	BY-299-2	Quách Đình Cam - Vương Thị Thế	567.8	L
277	BY-298-2	Quách Đình Lưu - Phùng Thị Tường	1,892.8	L
278	BY-321-1	Quách Đình Thuận - Phí Thị Lan	239.0	L
279	BY-321-2	Quách Đình Thuận - Phí Thị Lan	227.6	L
280	BY-300-2	Quách Thị Đà - Phạm Văn Tiên	112.2	L
281	BY-165-2	Quách Thị Hương (1958)	540.5	L
282	BY-301-2	Tăng Hữu Hà - Nguyễn Thị Chúc	322.7	L
283		Tăng Hữu Mão (đặt hành lang giao thông)		
284	BY-321	Tăng Hữu Sơn - Khuất Thị Phong	226.2	
285	BY-322	Trần Đức Chất - Hà Thị Vân	310.7	L
286	BY-323	Trần Đức Hùng- Ngô Thị Hoa	209.0	L
287	BY-324-1	Vương Thị Tính chồng Ngô Văn Tính (đã mất)	749.3	L
288	BY-324-2	Vương Thị Tính chồng Ngô Văn Tính (đã mất)	246.2	L
289	BY-325	Nguyễn Thị Phú (1956)	738.5	L
290	BY-326	Nguyễn Thị Thái (1949)	631.4	L
291	BY-327	Đỗ Văn Lương (1967)	46.3	L
292	BY-328	Nguyễn Đình Cửu (1942)	2,542.6	L
293	BY-329	Nguyễn Thị Vy (1934)	753.3	L
294	BY-248-2	Hoàng Văn Tài (1934)	5,713.7	L
295	BY-330	Đỗ Văn Nghị - Nguyễn Thị Liên	304.0	L
296	BY-331	Ngô Văn Sơn - Trịnh Thị Xạ	286.3	L

Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch TĐC Lần 3 (Quý 2/2013)

297	BY-332	Đào Xuân Tuấn - Đỗ Thị Viện	253.3		L
298	BY-333-1	Nguyễn Thị Lạng - Nguyễn Văn Thu	298.0		L
299	BY-296a-2	Ngô Văn Giới - Đào Thị Liên	497.1		L
300	BY-222-2	Đào Xuân Chi - Đinh Thị Tân	1,456.2		L
301	BY-216-2	Nguyễn Văn Sinh - Ngô Thị Đạt	309.8		L
302	BY-334	Ngô Thị Hòa - Lê Xuân Hùng	294.4		L
303	BY-335	Nguyễn Văn Nguyên - Hoàng Thị Xim	573.3		L
304		UBND xã Bình Yên	5765.9		
305	BY-211-2	Ngô Văn Quý - Đỗ Thị Chính	190.4		L
306	BY-336	Ngô Văn Tơ - Nguyễn Thị Gỏi	152.5		L
307	BY-337	Đào Xuân Thắng - Ngô Thị Ngoan	599.1		L
308	BY-338	Ngô Gia Lạp - Nguyễn Thị Mão	2,106.4		L
309	BY-296-2	Ngô Văn Chúc - Ngô Thị Ty	2,299.6		L
310	BY-339	Nguyễn Tiên Quang - Ngô Thị Huyền	441.6		L
311	BY-340-1	Trần Đức Tiếp - Ngô Thị Đính	1,737.7		L
312	BY-341	Đỗ Văn Chung - Đào Thị Giá	295.2		L
313	BY-342	Hoàng Thị Đậu	194.3		L
314	BY-343	Trần Văn Cấn	1,341.7		L
315	BY-344	Nguyễn Văn Dân - Nguyễn Thị Bên	490.1		L
316	BY-345	Nguyễn Thị Tiệp (1945)	646.6		L
317	BY-346	Bùi Thị Khiển (1957)	1,103.6		L
318	BY-347	Nguyễn Văn Thu (1963)	276.0		L
319	BY-348	Phan Minh Thuần - Đỗ Thị Lụa	63.4		L
320	BY-349	Hoàng Văn Thăng - Nguyễn Thị Sản	489.2		L
321	BY-350	Cần Thị Liên - Nguyễn Văn Vui	1,291.0		L
322	BY-190-2	Ngô Văn Thú - Nguyễn Thị Nê	898.9		L
323	BY-162-2	Quách Đình Hồng - Ngô Thị Dung	478.9		L
324	BY-333-2	Nguyễn Thị Lạng - Nguyễn Văn Thu	728.9		L
325	BY-351	Trần Đức Hưng - Đỗ Thị Sang	3,155.7		L
326	BY-352	Trần Đức Gia - Đào Thị Hiền	1,841.4		L
327	BY-340-2	Trần Đức Tiếp - Ngô Thị Đính	813.7		L
328	BY-353	Trần Văn Đán - Nguyễn Thị Thêu	1,782.3		L
329	BY-354	Đào Xuân Bình - Quách Thị Tư	212.3		L
330	BY-355	Đào Thị Hương Thảo (1975) - Nguyễn Thị Thường	294.4		L
331	BY-356	Nguyễn Văn An (1964) mẹ Nguyễn Thị Ty	308.0		L
332	BY-202-2	Đào Xuân Khăng - Nguyễn Thị Sáu	1,262.4		L
333	BY-356	Ngô Văn Ngọt - Trần Thị Sen	441.6		L
334	BY-357	Phí Thị Thư (1953)	445.9		L
335	BY-358	Đào Xuân Luật (1936)	1,689.3		L
		Tổng cộng	278,311.4	189,058	

Nguồn: Hội đồng DBHTTĐC huyện Thạch Thất, tháng 7/2013). Code các hộ BAH do Tư vấn lập

Phụ lục 3: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm tại xã Tân Xã và Bình Yên (7-8/3013)

Nội dung	Xã Tân Xã	Xã Bình Yên
Tham vấn cộng đồng và nhận biết về chính sách tái định cư cũng như quyền lợi của người BAH	Các hộ BAH đã được mời tham dự các cuộc họp để nghe thông báo về: (i) việc thu hồi đất; (ii) mức giá đền bù cho đất nông nghiệp và các tài sản BAH; (iii) các văn bản, quy định liên quan của nhà nước và của Dự án về tái định cư; (iv) cách thức tính đền bù; (v) tham gia kiểm đếm tài sản BAH	Các hộ BAH được thông báo về Dự án, thu hồi đất Cán bộ của UBND xã và của Hội đồng ĐBHTTĐC đã giải thích về cách tính đền bù; các quyền lợi của người BAH. Trong Quý 2/2013, người BAH đã được nghe phổ biến thông tin về các quyền lợi của người BAH theo chính sách của Dự án.
Kiểm đếm tài sản BAH và thanh toán đền bù theo các Chính sách trong Kế hoạch tái định cư	Người BAH được thông báo trước khi thực hiện kiểm đếm tài sản và thanh toán đền bù. Người BAH được tham gia trong quá trình đo đạc kiểm đếm, được ký vào biên bản đo đạc kiểm đếm. Thanh toán tiền đền bù được thực hiện trước khi bàn giao đất Thanh toán đền bù phù hợp với quyền lợi theo yêu cầu của Dự án	Người dân được tham gia đo đạc kiểm đếm tài sản BAH và được ký vào biên bản đo đạc. Thanh toán tiền đền bù được thực hiện một lần trước khi bàn giao đất cho Hội đồng ĐBHTTĐC. Quyền lợi được hưởng được tính toán theo quy định của Việt Nam và phù hợp với Chính sách của Dự án.
Các thủ tục thu hồi và chuyển giao đất	Hài lòng	Việc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người BAH cần được thực hiện theo quy định, miễn phí.
Xây dựng/tái xây dựng nhà và các công trình thay thế trên khu đất còn lại hoặc di dời đến khu vực mới	Không có ý kiến do chưa thực hiện	Không có ý kiến do chưa thực hiện
Mức độ thỏa mãn của những người bị ảnh hưởng đối với các quy định và việc thực hiện Kế hoạch TĐC	Đa số người dân hài lòng với các quy định và việc thực hiện các hoạt động TĐC. Một số thắc mắc của người dân được giải thích và làm rõ trong thời gian từ 2-3 tuần.	Cần đẩy nhanh tiến độ chi trả đền bù cho người BAH để người dân có kế hoạch ổn định cuộc sống Một số thắc mắc của người dân được giải thích và làm rõ trong thời gian từ 2-3 tuần.
Đền bù tranh chấp (các tài liệu, tiền độ, phương thức giải quyết và mức độ thỏa mãn của những người BAH	Thắc mắc của người dân được giải đáp và xử lý nhanh chóng theo quy định. Người dân hài lòng với cách xử lý của Hội đồng ĐBHTTĐC và của UBND xã	Thắc mắc chủ yếu liên quan tới tính pháp lý của đất đai và tài sản BAH; diện tích đo đạc kiểm đếm; bố trí lịch trình kiểm đếm và chi trả đền bù. Thắc mắc của người dân đã được chính quyền địa phương giải đáp và xử lý đáp ứng theo quy định và phù hợp với nguyện vọng của người dân
Tính hiệu quả và bền vững của các biện pháp trao quyền và phục hồi thu nhập cho những người BAH	Cần tổ chức thêm các lớp đào tạo và giới thiệu việc làm cho người lao động	Nhu cầu đào tạo và giới thiệu việc làm lớn, đặc biệt đối với người có độ tuổi trên 35.
Các ảnh hưởng và chiến lược về giới	Ảnh hưởng TĐC đối với nữ giới là đáng kể. Các chiến lược về giới vẫn chưa cụ thể và chưa được triển khai	Không có ý kiến
Khả năng của những người BAH, đặc biệt là hộ gia đình BAH nghiêm trọng và có nguy cơ tổn thương, có thể phục hồi/tái thiết cuộc sống và mức sống	Đa số người BAH có khả năng phục hồi thu nhập. Mức độ phục hồi thu nhập đối với hộ có chủ hộ là nữ giới tương đối hạn chế.	Người BAH có độ tuổi dưới 35 có khả năng thích nghi hơn và dễ tìm được việc làm. Số người có độ tuổi trên 35 ít có khả năng tìm kiếm việc làm có thu nhập ổn định và phù hợp trong điều kiện hiện tại
Tác động của tái định cư gây ra trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng	Không có ý kiến.	Không có ý kiến
Sự tham gia của những người BAH vào việc lên kế hoạch, cập nhật và thực hiện Kế hoạch TĐC	Đã được tham gia khảo sát hộ gia đình trong qua trình lập Kế hoạch TĐC	Được tham vấn về thu hồi đất; đền bù;

Giá thay thế	Nhìn chung phù hợp với mức giá tại địa phương	Phù hợp với giá cả thực tế tại địa phương và các khu vực lân cận
Bố trí khu tái định cư	Không có ý kiến	Không có ý kiến

Nguồn: Tư vấn đánh giá TĐC độc lập – Báo cáo đánh giá TĐC độc lập Lần 3 (Quý 2/2013)

Phụ lục 4: Bảng phỏng vấn hộ gia đình bị ảnh hưởng tái định cư

Xin chào ông (bà), tôi là Chuyên gia giám sát thực hiện Kế hoạch tái định cư cho “Dự án Trường Đại học khoa học và Công nghệ Hà Nội”. Mong ông (bà) cung cấp thông tin chính xác nhất về việc thực hiện Kế hoạch TĐC trong thời gian qua.

Thông tin do ông (bà) cung cấp chỉ được sử dụng để đánh giá và nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch TĐC. Những thông tin do ông bà cung cấp sẽ được giữ bí mật.

I. Thông tin chung về hộ gia đình và tài sản bị ảnh hưởng

1. Họ và tên người trả lời:
2. Họ và tên chủ hộ: Giới tính: Nam / Nữ
3. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:
 - Số nhà:
 - Phường/xã:
 - Quận/huyện:
4. Địa chỉ chỗ ở trước khi nhận đền bù: (ghi rõ thời gian nhận đền bù)
 - Số nhà:
 - Phường/xã:
 - Quận/huyện:
5. Gia đình ông bà có thuộc diện gia đình chính sách:
 - a. Hộ nghèo 1
 - b. Hộ có người tàn tật, thương binh 2
 - c. Hộ có người liệt sĩ già cả neo đơn: 3
 - d. Không 4
6. Tài sản bị ảnh hưởng:
 - a. Ảnh hưởng đối với đất: 1 (chuyển sang câu số 7)
 - b. Ảnh hưởng đối với nhà cửa/vật kiến trúc 2 (chuyển sang câu số 8)
 - c. Ảnh hưởng đối với những tài sản khác 3 (chuyển sang câu số 9)
 - d. Ảnh hưởng đối với cây cối, mùa màng 4 (chuyển sang câu số 10)

II. Chi tiết tài sản bị ảnh hưởng, đền bù và quyền lợi (chỉ hỏi các hộ BAH tại xã Bình Yên)

7. Ảnh hưởng về đất

7.1. Tình trạng sở hữu trước khi nhận đền bù

- Có giấy tờ hợp pháp / có thể hợp pháp: 1
- Thuê đất từ chủ hợp pháp: 2
- Sở hữu và sử dụng đất nhưng không có giấy tờ hợp lệ: 3
- Khác (nêu rõ) _____

7.2. Số năm sử dụng đất bị ảnh hưởng:

- Dưới 05 năm 1
- Từ 5 - 10 năm 2
- Trên 10 năm 3

7.3 Loại đất bị ảnh hưởng

- Đất ở 1
- Đất trồng lúa 2
- Đất trồng màu 3
- Đất rừng 4
- Đất vườn 5
- Khác (ghi rõ):

7.4 Thông tin về đất bị ảnh hưởng

- BAH toàn bộ 1
- Một phần, tương đương với % diện tích đất của hộ sau đây:
 - 0-10% (a)
 - 10-70% (b)
 - Trên 70% (c)
- Không biết 2
- Khác (ghi rõ):

7.5 Trả tiền đền bù

- 01 lần 1
- 02 lần 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

7.6 Nếu không nhận được tiền đền bù đất, ông bà có biết lý do tại sao ?

.....

7.7 Nếu bị mất đất thì ông (bà) đã nhận được hỗ trợ nào?

- Thường tiền độ bàn giao mặt bằng 1. Số tiền.....
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm 2. Số người được hỗ trợ:
- Hỗ trợ ổn định đời sống 3. Số tiền..... VND
- Khác (nêu rõ):

7.8 Ông / bà có hài lòng với mức giá đền bù, hỗ trợ TĐC không ? Có / Không

8. Vật kiến trúc/nhà, cửa hàng

8.1 Tình trạng sở hữu

- Có giấy tờ hợp pháp / có thể hợp pháp 1
- Không có giấy tờ hợp pháp / không thể hợp pháp 2
- Khác (ghi rõ)

8.2 Nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng được sử dụng cho mục đích gì:

- Chỉ để ở 1
- Để ở và kinh doanh 2
- Chỉ để kinh doanh (cửa hàng độc lập) 3
- Khác (ghi rõ)

8.3 Loại nhà/vật kiến trúc bị ảnh hưởng được xếp loại nào?

- Nhà tạm 1
- Nhà cấp 4 2

- Nhà 1 tầng 3
- Nhà 2 tầng 4
- Nhà ≥ 3 tầng 5

8.4 Thông tin về nhà/vật kiến trúc bị ảnh hưởng

- Toàn bộ 1
- Một phần 2. Tương đương với % tổng diện tích nhà của hộ
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

8.5 Ông/bà được đền bù, hỗ trợ thế nào ?

- Được trả tiền đền bù cho nhà và đất theo giá thay thế 1
- Trả tiền đền bù cho nhà, không trả tiền đất 2
- Được hỗ trợ kinh phí thuê nhà trong thời gian xây dựng 3
- Khác (ghi rõ):

8.6 Hình thức trả tiền đền bù

- Trả tiền đền bù 1 lần: 1
- Trả tiền đền bù 2 lần: 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

8.7 Khi nào ông / bà nhận được tiền đền bù ?

- Trước khi phá dỡ 1
- Trong khi phá dỡ 2
- Sau khi phá dỡ 3
- Không biết 4
- Khác (ghi rõ):

8.8 Kể từ khi nhận tiền đền bù, sau bao lâu ông/bà phải di dời tài sản bị ảnh hưởng?

- Dưới 01 tháng 1
- Từ 1 - 2 tháng 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

8.9 Nếu bị di dời tới nơi ở mới ông / bà có hài lòng với chỗ ở mới không

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ):

9. Tài sản cố định khác bị ảnh hưởng

- Giếng nước: 1. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Đường ống nước: 2. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Đường điện 3. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Nhà thờ 4. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Mộ mả 5. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Tường rào 6. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**

- Không biết.....

10. Ảnh hưởng đối với cây cối, mùa màng:

- Lúa 1. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Mầu (sắn,...) 2. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Các loại cây khác 3. Có được đền bù theo giá thay thế không: **có/không**
- Không biết:

11. Các hỗ trợ khác: Có Không Không áp dụng

Nếu có, xin cho biết hỗ trợ nào dưới đây

- Hỗ trợ cho hộ gia đình có phụ nữ là chủ hộ: 1
- Hỗ trợ cho hộ gia đình có người tàn tật: 2
- Hỗ trợ cho hộ nghèo: 3
- Hỗ trợ cho hộ gia đình bị AH toàn bộ nhà: 4
- Không 5
- Khác (ghi rõ)

III. Sự tham gia của cộng đồng và giải quyết khiếu nại (chỉ hỏi các hộ BAH tại xã Bình Yên)

12. Ông / bà có được dự họp cộng đồng trước đo đạc kiểm đếm chi tiết không ?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ)

13. Ông bà có được ký vào biên bản đo đạc khảo sát chi tiết không ?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3

14. Ông bà có nhận được phương án đền bù từ Hội đồng ĐBHTTĐC không ?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ)

15. Ông/bà có được giải thích về cách thức tính tiền đền bù không?

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác(ghi rõ)

16. Ông / bà có ký vào biên bản thanh toán tiền đền bù không?

- Có..... 1
- Không 2
- Không biết..... 3
- Khác

17. Ông/bà có phàn nàn/khiếu nại gì việc đền bù giải tỏa không ?

- Có..... 1

- Không 2
- Không biết..... 3
- Khác(ghi rõ)

Nếu có:

a. Ông bà có khiếu nại/phàn nàn về vấn đề gì:

.....
.....

b. Ông bà đã gửi đơn khiếu nại/phàn nàn tới cơ quan / tổ chức nào

- Tên cơ quan / tổ chức thứ nhất.....
- Tên cơ quan / tổ chức thứ hai.....
- Tên cơ quan / tổ chức thứ ba.....
- Không biết
- Khác (ghi rõ).....

c. Sau bao lâu thì ông bà nhận được trả lời của cơ quan/tổ chức nói trên

- Cơ quan / tổ chức thứ nhất
- Cơ quan / tổ chức thứ hai.....
- Cơ quan / tổ chức thứ ba
- Không biết.....
- Khác (ghi rõ)

d. Ông/bà có hài lòng với kết quả giải quyết của cơ quan nói trên không

- Có 1
- Không 2
- Không biết 3
- Khác (ghi rõ).....

IV. Hoàn cảnh sống và mức sống

18. Ông/bà cho biết nghề nghiệp của gia đình trước khi nhận đền bù là gì

Nghề nghiệp chính

(Dành nhiều thời gian)

Nghề nghiệp phụ

(Dành ít thời gian)

.....

19. Thu nhập trung bình hàng tháng của nhà ông/bà (trước đền bù) ?

- đồng/tháng

- Không biết

20. Nguồn thu nhập của ông bà là từ nguồn nào (trước đền bù) ?

- Nguồn thu nhập chính

- Nguồn thu nhập phụ

21. Ông/bà cho biết nghề nghiệp hiện tại của gia đình ông bà là gì?

Nghề nghiệp chính

(Dành nhiều thời gian)

Nghề nghiệp phụ

(Dành ít thời gian)

.....

22. Hiện nay, thu nhập trung bình hàng tháng của nhà ông / bà là bao nhiêu ?

- đồng/tháng

- Không biết

- 23. Nguồn thu nhập của ông bà là từ nguồn nào (sau khi nhận đền bù) ?**
- Nguồn thu nhập chính
 - Nguồn thu nhập phụ
- 24. Khả năng phục hồi thu nhập / sinh kế của gia đình trong thời gian tới ?**
- Có 1 Không 2
 - Không biết 3
 - Khác (ghi rõ)
- 25. Theo ông / bà, những hỗ trợ nào là cần thiết để giúp ông bà phục hồi thu nhập và sinh kế trong thời gian tới:**
- Đào tạo nghề: 1. Ghi rõ nghề nghiệp cần đào tạo:
 - Hỗ trợ vay vốn 2.
 - Khác (ghi rõ)

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

Người phỏng vấn

Người trả lời

Trưởng thôn